ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

LÊ ĐỨC TRỌNG

KẾT NỐI VÙNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG BÌNH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

TÓM TẮT

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

HUẾ - 2022

Công trình được hoàn thành tại

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC HUẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: PGS.TS NGUYỄN VĂN PHÁT

Phản biện 1: …….

Phản biện 2: ……..

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án Tiến sỹ kinh tế họp tại Đại học Huế vào ngày …..tháng ……..năm 20 …..

HUẾ, 2022

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với lợi thế về tài nguyên du lịch, đặc biệt là tài nguyên du lịch tự nhiên, Quảng Bình trở thành địa danh hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Theo số liệu niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2019, số lượt khách du lịch đến Quảng Bình đạt 5 triệu lượt khách, trong đó có 270 nghìn lượt khách quốc tế; tổng doanh thu du lịch năm 2019 ước đạt 5,7 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả này chưa tương xứng với những lợi thế và tiềm năng về tài nguyên du lịch của tỉnh. Phần lớn du khách đến Quảng Bình chủ yếu là khách nội địa (chiếm khoảng 95% trong nhiều năm trở lại đây); thời gian lưu trú ngắn, mức chi tiêu thấp. Sức lan tỏa của ngành đối với nền kinh tế xã hội của địa phương chưa thực sự rõ nét.

Từ thực trạng đó, trong nhiều năm trở lại đây, tỉnh Quảng Bình đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trong đó, phải kể đến việc đẩy mạnh các hoạt động kết nối (liên kết) hợp tác với các địa phương, vùng trên lãnh thổ Việt Nam và xa hơn là tỉnh Chiang Mai của Thái Lan. Tuy vậy, hoạt động hợp tác kết nối vùng mới ở giai đoạn đầu, thiếu định hướng, thiếu ràng buộc, chưa đi vào thực chất, dẫn đến các nguồn lực và những lợi thế của Quảng Bình vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Vì vậy, nghiên cứu kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững mang tính cấp thiết trong bối cảnh hiện nay cả về phương diện lý luận và thực tiễn, từ đó tìm ra các giải pháp kết nối vùng nhằm phát triển du lịch của tỉnh Quảng Bình mang tính bền vững trong thời gian tới.

Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả quyết định chọn đề tài "***Kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững"*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Luận giải những vấn đề lý luận về kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững và áp dụng vào nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Bình, từ đó đề xuất các giải pháp tăng cường kết nối vùng nhằm thúc đẩy ngành du lịch Quảng Bình phát triển hiệu quả và bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

1) Mục tiêu thứ nhất: Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững;

2) Mục tiêu thứ hai: Đánh giá thực trạng kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững;

3) Mục tiêu thứ ba: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình;

4) Mục tiêu thứ tư: Đề xuất giải pháp tăng cường kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành nhằm trả lời được các câu hỏi: Nghiên cứu về kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững cần được tiếp cận theo khung lý thuyết và áp dụng khung phân tích nào? Hoạt động kết nối vùng trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình được thực hiện theo những nội dung và hình thức nào? Vai trò của chính quyền địa phương (cơ quan quản lý nhà nước) đối với kết nối vùng trong phát triển du lịch tại tỉnh Quảng Bình? Sự tham gia của các doanh nghiệp và tổ chức liên quan trong hoạt động kết

nối vùng để phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình ra sao? Cấu trúc mạng lưới liên kết và mức độ liên kết giữa các doanh nghiệp và tổ chức liên quan trong phát triển du lịch tại tỉnh Quảng Bình như thế nào? Tác động của kết nối vùng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp? Tính bền vững trong phát triển du lịch dựa trên các hoạt động hợp tác kết nối vùng của tỉnh Quảng Bình? Đâu là những cơ hội và rào cản kết nối vùng trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình? Giải pháp nào để đẩy mạnh kết nối vùng trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Là những vấn đề lý luận và thực tiễn về kết nối vùng trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Các hoạt động kết nối vùng trong phát triển du lịch ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (kết nối nội vùng và ngoại vùng); điều tra khảo sát các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch đang hoạt động tại Quảng Bình và khách du lịch đến thăm quan tại các điểm đến du lịch tỉnh Quảng Bình.

- Phạm vi thời gian: số liệu thứ cấp được thu thập trong giai đoạn 2010 – 2019. Số liệu sơ cấp được thu thập trong 2 năm 2017 và 2019.

- Phạm vi nội dung:

Về nội dung kết nối vùng: Phân tích, đánh giá 04 nội dung cốt lõi, gồm: 1) kết nối vùng trong hoạt động xúc tiến du lịch; 2) kết nối vùng trong phát triển và đa dạng hóa sản phẩm du lịch; 3) kết nối hệ thống giao thông phục vụ du lịch; 4) kết nối vùng trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch.

Về phạm vi kết nối vùng: Nghiên cứu kết nối vùng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, gồm các hoạt động kết nối giữa tỉnh Quảng Bình với các địa phương trong các vùng du lịch ở trên lãnh thổ của Việt Nam, cụ thể: 1) phạm vi nội vùng (các địa phương vùng Bắc Trung Bộ); 2) phạm vi ngoại vùng, gồm: Duyên hải Nam Trung Bộ (chủ yếu Đà Nẵng và Quảng Nam); vùng đồng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc (Hà Nội, Hải Phòng); vùng Đông Nam Bộ (thành phố Hồ Chí Minh).

Về chủ thể tham gia hoạt động kết nối vùng: Tiếp cận phân tích đánh giá vai trò của chính quyền địa phương (các cơ quan quản lý) trên giác độ quản lý nhà nước vào hoạt động kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình. Phân tích sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức liên quan vào hoạt động kết nối vùng trong phát triển du lịch.

5. Đóng góp của luận án

5.1. Về lý luận

- Luận án đã đưa ra quan điểm, khái niệm kết nối vùng và kết nối vùng trong phát triển du lịch; quan điểm kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững. Xác định các nội dung nghiên cứu kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững.

- Luận án đã lựa chọn cách tiếp cận, xây dựng khung phân tích, phương pháp nghiên cứu và hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu phù hợp nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra. Trong đó, Luận án đã đề xuất phương pháp nghiên cứu định lượng bằng kỹ thuật phân tích mạng lưới nhằm đánh giá và làm rõ cấu trúc mạng lưới, mức độ liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch và các bên liên quan trong nội bộ tỉnh Quảng Bình và ngoài tỉnh Quảng Bình.

5.2. Về thực tiễn

- Phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình: từ việc khái quát các vùng du lịch; cơ chế hợp tác vùng du lịch; các hình thức, chủ thể tham gia kết nối vùng, nội dung kết nối vùng trong phát triển du lịch.

- Phân tích sâu về cấu trúc mạng lưới và mức độ liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp du lịch và các bên liên quan trong nội bộ tỉnh Quảng Bình và ngoài tỉnh Quảng Bình; đánh giá tác động của kết nối vùng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình dựa trên các hoạt động hợp tác kết nối vùng theo các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường; Nhận diện, đánh giá và phân tích các cơ hội, những rào cản đối với kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp mang tính hệ thống, đồng bộ nhằm tăng cường kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

Tóm lại, tính đến thời điểm hiện nay, chưa có bất kỳ tác giả nào tiến hành nghiên cứu đề tài này ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Khác với những công trình nghiên cứu ở phương diện văn hóa, du lịch học, nội dung nghiên cứu của đề tài luận án thiên về phương diện kinh tế - quản lý. Chính vì vậy, đề tài luận án là tài liệu tham khảo quan trọng có cơ sở khoa học, làm căn cứ để các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách trong việc xây dựng các chính sách, chiến lược phát triển du lịch mang tính bền vững không chỉ ở cấp độ địa phương mà còn rộng hơn đó chính là cấp độ vùng.

6. Kết cấu luận án

Luận án được kết cấu thành 4 phần, cụ thể:

Phần I. Mở đầu

Phần II. Tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước về kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

Phần III. Nội dung và kết quả nghiên cứu (gồm 04 chương)

Phần IV. Kết luận và kiến nghị

PHẦN II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VỀ KẾT NỐI VÙNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

1. Tổng quan các nghiên cứu ở nước ngoài

1.1. Nghiên cứu kết nối vùng ngoài lãnh thổ quốc gia

Nghiên cứu về kết nối vùng ngoài lãnh thổ quốc gia gồm những vấn đề như hội nhập và hợp tác khu vực và các hình thức liên kết có tính chất xuyên biên giới trong phát triển du lịch giữa các quốc gia. Trong số đó, có thể kể đến các công trình nghiên cứu tiêu biểu của Cevat và cộng sự (2005); Eeva (2007); Golam (2009); Vannarith (2013). Các nghiên cứu chủ yếu tập trung phân tích thực trạng hợp tác kết nối vùng trong phát triển du lịch giữa các quốc gia láng giềng có chung đường biên giới; trách nhiệm của chính quyền nhà nước và sự tham gia của các doanh nghiệp du lịch (khu vực tư nhân) vào hoạt động liên kết xuyên biên giới; chỉ ra những thách thức và rào cản đối với kết nối vùng, bao gồm: sự khác biệt về văn hóa, lịch sử, chính trị và an ninh khu vực. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu thiên về phân tích định tính; thiếu số liệu điều tra khảo sát, do đó nội dung kết nối vùng chưa được đánh giá một cách toàn diện và có tính hệ thống.

1.2. Nghiên cứu kết nối vùng trong lãnh thổ quốc gia

Ở phạm vi này, các nghiên cứu tập trung vào những vấn đề liên kết du lịch giữa các địa phương trong một vùng kinh tế - xã hội (liên kết nội vùng), giữa một địa phương với các địa phương khác ngoài vùng kinh tế - xã hội (liên kết ngoại vùng). Có thể kể đến công trình nghiên cứu của các tác giả: Economou và cộng sự (2005); Huang (2014); Kuznetsova và cộng sự (2017); Maximilian (2017). Các nghiên cứu này đã đi sâu đánh giá, phân tích thực

trạng hợp tác song phương và đa phương giữa các vùng, trung tâm du lịch ở cấp độ địa phương bên trong lãnh thổ của một quốc gia nhằm thực hiện các mục tiêu chung trong phát triển du lịch như chia sẻ nguồn lực, khai thác các lợi thế lẫn nhau, hình thành cụm ngành du lịch. Kết quả của những nghiên cứu đã đóng góp về phương diện lý thuyết cũng như thực tiễn trong phân tích kết nối nội vùng phát triển du lịch ở phạm vi của một địa phương. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc đánh giá, phân tích thực trạng kết nối nội vùng tỉnh Quảng Bình trong phát triển du lịch.

1.3. Nghiên cứu phát triển du lịch bền vững

Luận án cũng khái quát thêm các nghiên cứu gần đây về chủ đề phát triển du lịch bền vững nhằm bổ sung vào cơ sở lý thuyết nghiên cứu cho đề tài luận án. Tác giả đã tổng hợp một số công trình nghiên cứu điển hình của Cevat và cộng sự (2001); Regina (2011); Bozena và cộng sự (2016). Các nghiên cứu đã nhấn mạnh đến việc thực thi các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững đều bị hạn chế do việc đặt ra mục tiêu tăng trưởng du lịch bằng mọi giá. Việc khai thác quá mức các giá trị di sản văn hóa, tự nhiên dẫn đến sự xuống cấp của hệ thống di sản; tình trạng phát triển ồ ạt các điểm du lịch dẫn đến ô nhiễm kiến trúc, môi trường. Phần lớn các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, để thực hiện được mục tiêu phát triển du lịch bền vững đòi hỏi có sự can thiệp và điều tiết của nhà nước, nếu để khu vực tư nhân sẽ thất bại. Như vậy, các nghiên cứu này đã gợi mở cho việc tiếp cận phân tích khía cạnh phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Quảng Bình dựa trên các chính sách kết nối vùng.

2. Tổng quan các nghiên cứu ở trong nước

2.1. Nghiên cứu kết nối vùng trong phát triển du lịch

Đến nay, các nghiên cứu ở trong nước đều chỉ giới hạn nghiên cứu các hoạt động kết nối vùng trong phạm vi lãnh thổ của Việt Nam, có thể kể đến các nghiên cứu của một số tác giả như: Nguyễn Văn Khánh và cộng sự (2017); Nguyễn Đình Hiền và cộng sự (2017); Nguyễn Thị Vân Hoa và cộng sự (2018); Phạm Hồng Cúc và cộng sự (2018); Hoàng Văn Hoa (2019); Lê Văn Phúc và cộng sự (2020); Trần Xuân Quang (2020); Nguyễn Quốc Toàn (2020). Hầu hết các nghiên cứu đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng kết nối vùng, tiểu vùng (chủ yếu là hợp tác giữa các địa phương trong một vùng du lịch) với những nội dung chủ yếu như quảng bá thương hiệu du lịch, phát triển sản phẩm và thiết kế các tuyến du lịch liên địa phương. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra những hạn chế trong kết nối vùng: nặng về hình thức; thiếu cơ chế điều phối chung; tình trạng cạnh tranh, cục bộ địa phương vẫn xảy ra. Tuy nhiên, các nghiên cứu mới chỉ dừng lại việc mô tả, giới thiệu khái quát các chính sách liên kết vùng; việc sử dụng số liệu điều tra khảo sát các bên liên quan để đưa ra những kết luận vẫn còn mang ý chí chủ quan từ phía người trả lời phỏng vấn, chưa có sự kiểm chứng, đối sánh. Các nghiên cứu chưa đi sâu phân tích các hình thức hợp tác liên kết vùng; tác động của các chương trình liên kết đối với du lịch toàn vùng như thế nào vẫn chưa có câu trả lời.

2.2. Nghiên cứu phát triển du lịch bền vững

Chủ đề phát triển du lịch bền vững cũng được một số tác giả quan tâm nghiên cứu, có thể kể đến như: Bùi Đức Tính (2009); Lê Đức Viên (2017); Lê Đăng Lăng và cộng sự (2020). Cũng giống như các nghiên cứu ở nước ngoài, nghiên cứu ở trong nước phần lớn đề cập đến 3 khía cạnh trong phát triển du lịch bền vững: kinh tế - xã hội – môi trường. Mục tiêu về kinh tế vẫn là ưu tiên trong các chính sách phát triển du lịch ở các địa phương, đó là tăng lượng khách, doanh thu du lịch. Các tác giả đã nhấn mạnh đến mức độ đóng góp của ngành du lịch đối với xã hội như tạo việc làm, trao cơ hội cho người dân được tham gia vào ngành du lịch

thông qua mô hình du lịch cộng đồng. Những hạn chế về nguồn lực tài chính, quy mô doanh nghiệp du lịch chưa đủ lớn dẫn đến việc thực thi các nguyên tắc bền vững rất khó thực hiện. Chúng tôi cho rằng, cần có sự kết hợp giữa chính sách điều tiết của nhà nước và sự tham gia của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch bền vững.

3. Khoảng trống nghiên cứu

Nội hàm lý luận nghiên cứu kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững là gì và việc vận dụng vào điều kiện thực tiễn để nghiên cứu thực nghiệm ở một địa phương như thế nào vẫn là những khoảng trống hay vùng giao thoa về lý luận và thực tiễn cần được tiếp tục làm sáng tỏ, cụ thể:

- Cơ sở lý luận về kết nối vùng trong phát triển du lịch chưa được phân tích, diễn giải một cách có hệ thống, từ khái niệm vùng, cơ sở xác định vùng du lịch, kết nối vùng trong phát triển du lịch.

- Nhiều vấn đề cốt lõi và trọng tâm của nội dung nghiên cứu vẫn chưa được tiếp cận phân tích một cách toàn diện và có hệ thống, đó là: vai trò của chính quyền địa phương, chủ trương, thiết chế chính sách, cơ chế quản trị điều phối chung giữa các địa phương về hoạt động kết nối vùng; sự tham gia của thành phần tư nhân vào hoạt động kết nối phát triển du lịch; tác động của kết nối vùng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp du lịch.

- Nội hàm kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững là gì vẫn là một câu hỏi đang còn bỏ ngõ chưa có lời giải đáp thấu đáo và rõ ràng trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn trong các nghiên cứu trước đây.

- Khi đặt trong ngữ cảnh liên kết vùng để phát triển du lịch ở một địa phương cụ thể như tỉnh Quảng Bình thì đây là chủ đề chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện trên cả cấp độ vĩ mô (thể chế, chính sách) lẫn vi mô (doanh nghiệp).

PHẦN III. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KẾT NỐI VÙNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1. Vùng và kết nối vùng trong phát triển du lịch

1.1.1. Khái niệm vùng

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan, quan điểm của tác giả cho rằng: *Vùng là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, được tổ chức thành các đơn vị hành chính cấp địa phương (tỉnh, thành phố) hoặc liên địa phương với hệ thống các ngành kinh tế hoạt động trong khuôn khổ định chế, luật pháp và có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau thông qua hợp tác, trao đổi các nguồn lực, sản phẩm hàng hóa, dịch vụ giữa các vùng*. Như vậy, tùy theo đối tượng, mục đích và phạm vi nghiên cứu, vùng có thể được xác định theo nhiều cách khác nhau, có thể được giới hạn là một địa phương hoặc cũng có thể là nhiều địa phương trong một vùng kinh tế - xã hội của một quốc gia.

1.1.2. Khái niệm vùng du lịch

Dựa vào các khái niệm, quan điểm về vùng du lịch được đưa ra trong các tài liệu trước đây, trong giới hạn phạm vi nghiên cứu đề tài luận án này, khái niệm vùng du lịch được hiểu: *là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, gồm một tỉnh hay một số tỉnh và thành phố, được cấu thành bởi các điểm du lịch, trung tâm du lịch có tính chuyên môn hóa cao về du lịch, với điều kiện tự nhiên, văn hóa và tài nguyên du lịch có những đặc điểm chung, tạo nên các sản phẩm du lịch đặc trưng riêng của vùng so với vùng du lịch khác*.

Để thống nhất về phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ, tác giả tiếp cận "Vùng du lịch" theo cách phân định của Chính phủ Việt Nam tại văn bản Quy hoạch tổng

thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, khi nghiên cứu về kết nối vùng trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình, nội vùng sẽ được xác định là vùng Bắc Trung bộ, gồm 6 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế); ngoại vùng là những địa phương thuộc 6 vùng du lịch còn lại hoặc cũng có thể là những địa phương hay quốc gia nằm ngoài lãnh thổ của Việt Nam.

1.1.3. Khái niệm kết nối vùng

Quan điểm của tác giả cho rằng: *kết nối vùng là quá trình hợp tác, liên kết giữa một địa phương với một hay nhiều địa phương khác trong cùng một vùng kinh tế - xã hội hay vùng du lịch (kết nối nội vùng) hoặc với một hay nhiều địa phương khác ngoài vùng kinh tế - xã hội/vùng du lịch (kết nối ngoại vùng), được tổ chức thực hiện bởi các chủ thể nhà nước (giữa các chính quyền trung ương, địa phương) hoặc tư nhân (giữa các doanh nghiệp, tổ chức) nhằm hình thành một không gian kinh tế chung theo hướng tập trung nguồn lực hoặc chuyên môn hóa sản xuất mang lại lợi ích cho các bên tham gia quá trình liên kết.*

1.1.4. Kết nối vùng trong phát triển du lịch

Khái niệm kết nối vùng trong phát triển du lịch có nội hàm rất rộng, tùy theo mục đích, đối tượng nghiên cứu mà khái niệm kết nối vùng trong phát triển du lịch có thể được hiểu và diễn tả theo từng góc độ và phạm vi khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ, kết nối vùng trong phát triển du lịch được hiểu: *là một trong những hoạt động kết nối vùng trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung, là quá trình hợp tác, liên kết giữa các bên liên quan (chính quyền địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, ...) của một địa phương với một hay nhiều địa phương khác trong cùng một vùng du lịch hay ngoài vùng du lịch để thực hiện các hoạt động xúc tiến, quảng bá sản phẩm du lịch; phát triển các tour, tuyến du lịch; thu hút đầu tư; đào tạo nguồn nhân lực, ..., góp phần khai thác hiệu quả các nguồn lực thuộc về lợi thế của từng địa phương, từng vùng và mang lợi ích cho các bên tham gia.*

Theo đó, nội dung nghiên cứu đề tài luận án chỉ giới hạn ở việc tập trung phân tích, đánh giá các hoạt động kết nối vùng trong phát triển du lịch giữa tỉnh Quảng Bình với một hay nhiều địa phương khác trong cùng một vùng du lịch hay ngoài vùng du lịch trên lãnh thổ của Việt Nam là chủ yếu. Riêng, đối với các hoạt động kết nối quốc tế (nếu có) chỉ được đánh giá khái quát nhằm làm rõ thêm bức tranh toàn cảnh về kết nối vùng trong phát triển du lịch ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

1.2. Một số lý thuyết liên quan đến kết nối vùng trong phát triển du lịch

1.2.1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh

Thuật ngữ kết nối vùng hay kết nối lãnh thổ chưa được đề cập trong lý thuyết lợi thế tuyệt đối (của Smith) và lợi thế so sánh (Ricardo), nhưng cả hai lý thuyết này đã nhấn mạnh đến việc phân công lao động theo vùng/lãnh thổ và chuyên môn hóa sản xuất. Đây chính là những tiền đề và nền tảng hết sức quan trọng cho việc phát triển các lý thuyết vùng và kết nối vùng về sau này. Nhận diện được lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh của mỗi địa phương trong vùng để tăng cường kết nối trong phát triển du lịch là cơ hội để các địa phương và vùng khai thác hiệu quả các nguồn lực của nhau, góp phần thúc đẩy phát triển các tour du lịch có sức hấp dẫn và mang nhiều nét đặc trưng riêng của từng địa phương và từng vùng thay vì xung đột, cạnh tranh nhau.

1.2.2. Lý thuyết cực tăng trưởng

Perroux (1950) lần đầu tiên đề xuất lý thuyết cực trăng trưởng và sau đó được phát triển bởi Hirschmann (1958) và Friedmann (1966). Trọng tâm của lý thuyết này cho rằng sự tăng trưởng kinh tế nói chung không thể đồng đều trong cả vùng, mà chỉ có thể diễn ra xung quanh một cực cụ thể (hay một cụm). Theo lý thuyết này, sẽ tồn tại đồng thời sự hướng tâm của các dòng nguồn lực sản xuất tới cực, và sự lý tâm của các dòng tiền, thông tin, tiến bộ

khoa học và công nghệ,…từ cực sang các vùng xung quanh. Tuy nhiên, sự thu hút các yếu tố về một trọng tâm phát triển thường dễ dàng hơn và có vẻ là một xu hướng tất yếu, nên sau một thời gian sẽ dẫn đến khoảng cách phát triển ngày càng lớn hơn trong nội bộ vùng, hoặc giữa vùng này với vùng khác.

1.2.3. Lý thuyết mạng lưới xã hội

Việc tiếp cận các lý thuyết mạng lưới xã hội và phương pháp PTMLXH để nghiên cứu sự hợp tác giữa các bên liên quan trong lĩnh vực du lịch cũng đã thu hút được sự chú ý kể từ khi năm 1960. Theo Fyall và Garrod (2005), quan điểm mạng lưới được sử dụng để nghiên cứu về mối quan hệ hợp tác giữa các bên trong bối cảnh của ngành du lịch, đề cập đến các hoạt động hợp tác trong du lịch như chia sẻ thông tin, phát triển sản phẩm, tiếp thị sản phẩm và xúc tiến, quản lý du khách, đào tạo và tư vấn việc làm.

1.3. Nội dung, hình thức kết nối vùng trong phát triển du lịch

1.3.1. Nội dung kết nối vùng trong phát triển du lịch

Trong phạm vi nghiên cứu luận án, kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững bao gồm 04 nội dung chính như sau: 1) Phát triển và đa dạng hóa sản phẩm du lịch; 2) Xúc tiến du lịch; 3) Kết nối giao thông phục vụ du lịch; 4) Đào tạo nguồn nhân lực du lịch.

1.3.2. Hình thức kết nối vùng trong phát triển du lịch

Kết nối vùng trong phát triển du lịch được biểu hiện theo 2 hình thức chủ yếu sau đây:

Kết nối vùng mang tính tự nguyện: Chủ thể chính của loại hình liên kết này là các doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, liên kết giữa các địa phương trong vùng hoặc giữa địa phương của vùng này với địa phương của một vùng khác được thực hiện bởi chủ thể chính quyền địa phương, sở du lịch.

Kết nối vùng theo quan hệ phân cấp chính quyền giữa trung ương và địa phương: Đây là hình thức kết nối mang tính mệnh lệnh hành chính (bắt buộc) và chủ thể chính là các cấp quản lý theo thứ bậc trên - dưới (liên kết dọc). Kết nối vùng theo hình thức này được thực hiện dựa trên cơ chế phân cấp quản lý vùng kinh tế - xã hội.

1.4. Quan điểm kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

1.4.1. Khái niệm phát triển du lịch bền vững

Quan điểm của tác giả cho rằng, phát triển du lịch bền vững là một trong những nội dung của phát triển bền vững, đó là sự phát triển dựa vào 03 trụ cột chính, gồm: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó, sự bền vững về kinh tế là tiêu chí cơ bản, làm nền tảng để thực hiện được mục tiêu bền vững văn hóa, xã hội và môi trường. Trong lĩnh vực du lịch, nguyên tắc sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên môi trường và đảm bảo tính toàn vẹn các giá trị văn hóa – xã hội của cộng đồng là những yêu cầu không thể thiếu khi thực hiện mục tiêu phát triển du lịch bền vững.

1.4.2. Mối quan hệ giữa kết nối vùng và phát triển du lịch bền vững

Theo quan điểm của tác giả, kết nối vùng và phát triển du lịch có mối liên hệ rất chặt chẽ, tương hỗ và bổ sung cho nhau. Kết nối vùng là cơ sở tạo ra tiền đề quan trọng để thực hiện mục tiêu phát triển du lịch theo hướng bền vững. Ngược lại, phát triển du lịch bền vững được xem là mục tiêu và kết quả mong đợi mà các bên liên quan (cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức du lịch) hướng đến khi thực hiện hợp tác, liên kết vùng.

1.4.3. Nội hàm kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

Kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững là một trong những giải pháp hành động để thực hiện được mục tiêu phát triển du lịch bền vững, là bước chuyển

mình của ngành du lịch sang một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn phát triển theo chiều sâu và hướng đến sự bền vững về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường. Về kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực giữa các bên tham gia hợp tác kết nối vùng. Về văn hóa – xã hội, giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương, tạo ra hiệu ứng lan tỏa đến mọi thành phần trong xã hội. Về tài nguyên môi trường, hạn chế tác động và can thiệp quá mức vào tài nguyên môi trường tự nhiên.

1.4.4. Tính tất yếu kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

Kết nối vùng là một quy luật tất yếu của sự phát triển. Khi biên giới giữa các quốc gia càng cởi mở hơn và không đơn thuần là những rào cản vật lý thì việc hợp tác xuyên biên giới trong lĩnh vực du lịch và một xu thế tất yếu.

Đối với Việt Nam, liên kết vùng sẽ giúp các địa phương cùng hợp tác phát triển các sản phẩm du lịch mang tính đặc thù và độc đáo, hạn chế sự trùng lắp về sản phẩm. Hợp tác, liên kết tạo ra được quy mô hoạt động của doanh nghiệp lớn hơn, thị trường rộng lớn hơn.

Kết nối vùng trong phát triển du lịch thể hiện sự phù hợp khách quan với đặc điểm, tính chất của sản phẩm du lịch cũng như nhu cầu của khách du lịch. Việc tăng cường kết nối vùng được xem là giải pháp trọng tâm giúp hình thành các cụm ngành du lịch giữa các địa phương trong vùng.

1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết nối vùng trong phát triển du lịch theo hướng bền vững

Đã có rất nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến kết nối vùng trong phát triển du lịch, trong đó có những nhân tố ảnh hưởng tích cực và cũng có nhiều nhân tố tác động tiêu cực, trở thành các rào cản đối với quá trình hợp tác, liên kết vùng. Dựa vào kết quả nghiên cứu tổng quan tài liệu, tác giả khái quát thành một số nhóm nhân tố chủ yếu sau đây: 1) Nhóm nhân tố chính sách; 2) Nhóm nhân tố điều kiện tự nhiên trong phân bố nguồn tài nguyên; 3) Nhóm nhân tố nội tại và trình độ của các chủ thể liên kết; 4) Vấn đề an ninh và an toàn của các điểm đến du lịch.

1.6. Thực tiễn kết nối vùng trong phát triển du lịch ở một số nước trên thế giới và Việt Nam

Dựa trên các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả giới thiệu tóm tắt một số mô hình hợp tác kết nối vùng trong phát triển du lịch ở một số khu vực và quốc gia trên thế giới cũng như một số địa phương tại Việt Nam. Những mô hình hợp tác được giới thiệu trong luận án này gắn liền với nội dung nghiên cứu đề tài luận án, có thể làm bài học kinh nghiệm cho việc thực thi các chương trình kết nối vùng trong phát triển du lịch ở địa bàn nghiên cứu tỉnh Quảng Bình. Có thể kể đến mô hình liên kết trong hoạt động marketing du lịch giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ; kết nối vùng xuyên biên giới giữa Phần Lan và Thụy Điển; mô hình liên kết giữa 03 địa phương Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam; Liên kết khai thác lợi thế du lịch khác biệt giữa tỉnh Khánh Hòa và Lâm Đồng; Liên kết phát triển du lịch giữa doanh nghiệp lữ hành, vận tải và kinh doanh điểm đến tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Quảng Bình là một trong 6 tỉnh nằm ở vùng Bắc Trung Bộ của Việt Nam, nằm trong khu vực có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa mưa thường kéo dài và xuất hiện các đợt rét, các trận bão và lũ lụt đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến ngành du lịch.

Quảng Bình có tổng diện tích đất tự nhiên là 800.003ha (năm 2019), trong đó phần lớn là đất đồi núi, chiếm đến 86,96% tổng diện tích đất tự nhiên. Dân số trung bình của tỉnh Quảng Bình năm 2019 là 896,60 nghìn người; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế là 510.643 người, trong đó khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 88,25%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 0,26%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ sơ cấp nghề trở lên đạt 24,9%.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2019 tính theo giá hiện hành đạt 39.155,4 tỷ đồng, tăng 7,34% so với năm 2018 (theo giá so sánh 2010); GRDP bình quân đầu người đạt 43,67 triệu đồng. GRDP của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 19,41%; khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 24,51%; dịch vụ chiếm 54,46%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,56%.

2.2. Quan điểm tiếp cận nghiên cứu và khung phân tích

2.2.1. Quan điểm tiếp cận nghiên cứu

Nghiên cứu kết nối vùng trong phát triển du lịch được tiếp cận theo quan điểm hệ thống, toàn diện, trong mối quan hệ biện chứng giữa lượng và chất, giữa trước mắt và lâu dài; giữa lý luận với thực tiễn.

2.2.2. Khung phân tích

Dựa vào cơ sở lý thuyết đã được đề cập ở chương 1 và quan điểm tiếp cận nghiên cứu, tác giả đề xuất khung phân tích (nghiên cứu) kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững. Khung nghiên cứu này mô tả và giải thích một cách logic về các mối quan hệ phụ thuộc, tương tác và quy định lẫn nhau giữa các thành phần (khái niệm, biến số) của nội dung nghiên cứu.

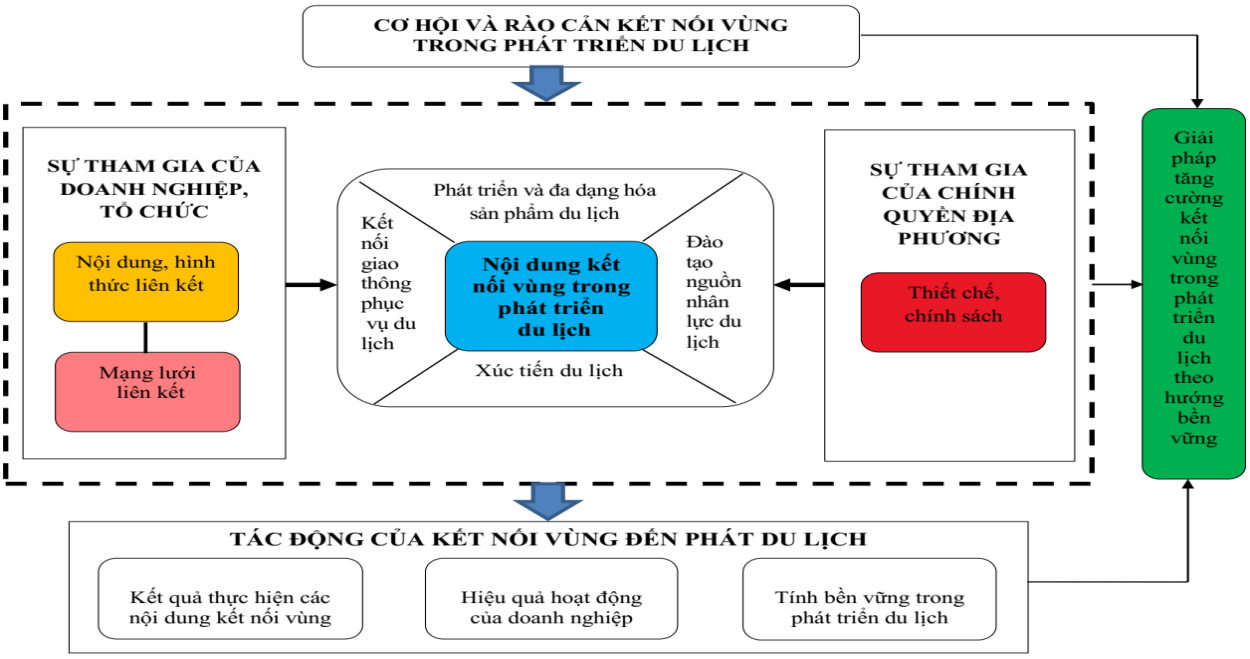

(Nguồn: đề xuất của tác giả)

Hình 2.2. Khung phân tích kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng phát triển bền vững

Trọng tâm là nghiên cứu cấp độ nội vùng (các tỉnh khu vực bắc trung bộ) + ngoại vùng (các tỉnh hoặc các vùng khác). Tập trung 4 nội dung cốt lõi (NT)…. Luận án tập trung phân tích sự tham gia của 2 chủ thể Nhà nước CQQLNN (vai trò định hướng.) (chủ trương, chính sách, quan điểm, các hoạt động quảng bá, liên kết …. và Doanh nghiệp (chủ thể nền tảng của hđ

liên kết) giữa các dn trong tỉnh, các dn trong tỉnh và ngoài tỉnh. -> tác động kết quả thực hiện, hiệu quả, tính bền vững. Từ nhìn nhận những cơ hội và rào cản -> đề xuất giải pháp

2.3. Quy trình nghiên cứu

Trên cơ sở khung phân tích và dựa vào mục tiêu nghiên cứu đặt ra, tác giả xây dựng quy trình nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ, với 6 bước: 1) Xác định vấn đề nghiên cứu; 2) Nghiên cứu tổng quan tài liệu; 3) Tổng hợp các lý thuyết liên quan và xây dựng khung phân tích nghiên cứu; 4) Thu thập số liệu phục vụ cho việc phân tích nghiên cứu; 5) Tổng hợp và xử lý số liệu; 6) Viết báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài luận án.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được thực hiện với các phương pháp tổng hợp và phân tích dữ liệu định tính; và Phương pháp phỏng vấn chuyên sâu.

2.4.2. Nghiên cứu định lượng

Nghiên cứu định lượng được sử dụng trong nghiên cứu này gồm có các phương pháp: Phương pháp thu thập số liệu; Phương pháp tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu; và các phương pháp phân tích (bao gồm phương pháp thống kê mô tả; Phương pháp chuỗi dữ liệu thời gian; Phương pháp phân tích mạng lưới xã hội).

Đối với phương pháp thu thập số liệu, bên cạnh số liệu thứ cấp được thu thập, tác giả lựa chọn 05 đối tượng để điều tra phỏng vấn dựa trên bảng hỏi được thiết kế sẵn, gồm: 1) các doanh nghiệp lữ hành; 2) cơ sở dịch vụ lưu trú; 3) doanh nghiệp vận chuyển; 4) nhà hàng và 5) cơ sở đào tạo, với kết quả có 117 mẫu (phiếu) điều tra hợp thức được đưa vào phân tích. Ngoài ra, nghiên cứu tiến hành điều tra phỏng vấn khách du lịch đến thăm quan tại Quảng Bình, với kết quả thu thập được 300 phiếu điều tra hợp thức.

2.5. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

Nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án này sử dụng 05 nhóm chỉ tiêu nghiên cứu khác nhau, bao gồm: 1) Nhóm các chỉ tiêu phản ánh quy mô, trình độ phát triển ngành du lịch; 2) Nhóm các chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng ngành du lịch; 3) Nhóm các chỉ tiêu phản ánh thực trạng kết nối vùng phát triển du lịch; 4) Nhóm chỉ tiêu đo lường mức độ liên kết giữa các bên liên quan trong mạng lưới du lịch; 5) Nhóm các chỉ tiêu phản ánh tính bền vững trong phát triển du lịch.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG KẾT NỐI VÙNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG BÌNH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

3.1. Tổng quan các vùng du lịch ở Việt Nam

Sự khác nhau về điều kiện tài nguyên du lịch, hệ thống cơ sở hạ tầng và nguồn lực của mỗi địa phương dẫn đến sự phát triển du lịch ở Việt Nam có sự chênh lệch khá lớn về khả năng thu hút du khách giữa các vùng miền, địa phương. Vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc và vùng Đông Nam Bộ dẫn đầu về lượng khách du lịch đến tham quan, trong đó Hà Nội (Vùng ĐBSH&DHĐB) và thành phố Hồ Chí Minh (Vùng ĐNB) là 2 trung tâm du lịch lớn của vùng cũng như cả nước.

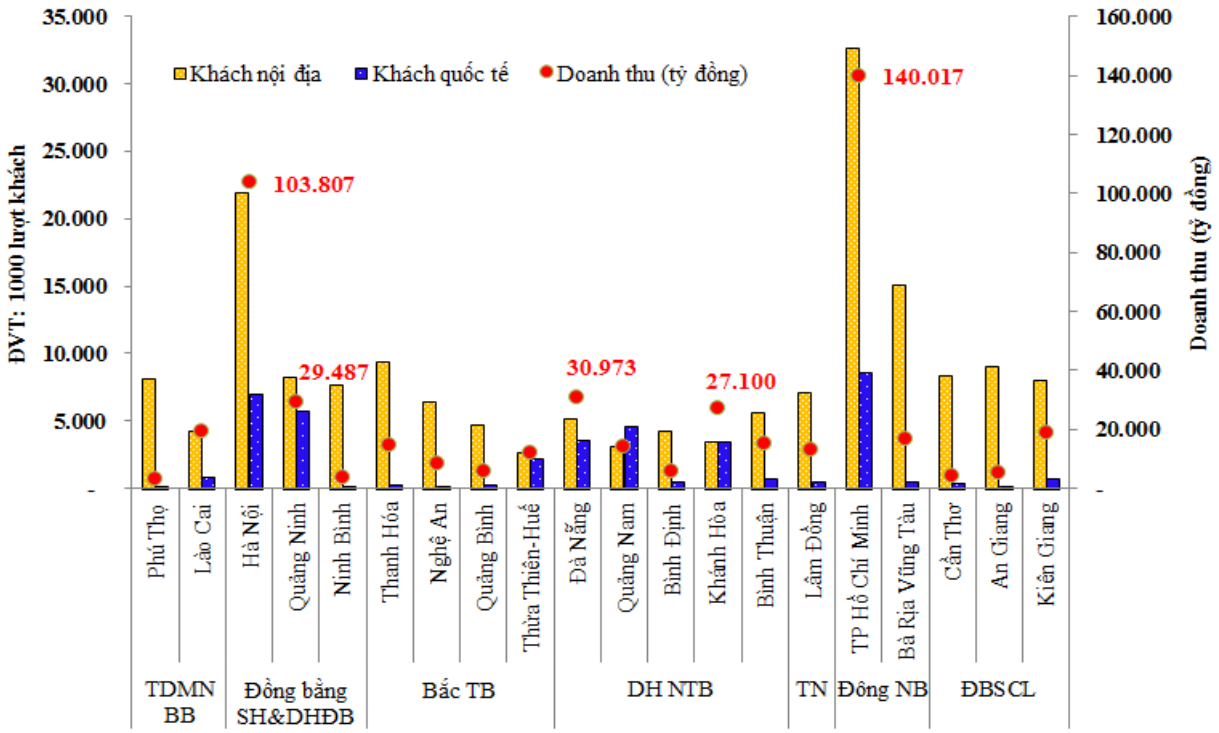

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các sở du lịch địa phương)

Hình 3.1. Số lượng khách và doanh thu du lịch của một số địa phương trọng điểm thuộc các vùng du lịch tại Việt Nam năm 2019

Vùng Đông Nam Bộ đạt được mức doanh thu du lịch cao nhất cả nước trong giai trong năm 2019, đạt ở mức 161,2 nghìn tỷ đồng; tiếp đến là vùng đồng bằng Sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc với 147 nghìn tỷ đồng; đứng thứ 3 là vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (97 nghìn tỷ đồng). Xếp ở vị trí thứ 5 là vùng Bắc Trung Bộ, với tổng doanh thu du lịch đạt trên 48 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,44% tổng thu du lịch của cả nước.

3.2. Khái quát tình hình phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

3.2.1. Nguồn lực và lợi thế so sánh phát triển du lịch

Những lợi thế so sánh về du lịch của tỉnh Quảng Bình so với các địa phương khác, đó là "Du lịch di sản văn thiên nhiên thế giới VQG PNKB" ; tiếp đến là "Du lịch biển, đặc biệt là du lịch nghỉ dưỡng biển". Ngoài ra, "Vị trí địa lý" cũng là một lợi thế của tỉnh Quảng Bình, nằm trong vùng "mặt tiền" của Việt Nam, nhìn ra biển Đông, có vị trí địa lý thuận lợi, có ý nghĩa chiến lược về liên kết du lịch Bắc - Nam, Đông - Tây; có quan hệ chặt chẽ với Lào, Đông Bắc Thái Lan và Myanmar.

3.2.2. Lượng khách và doanh thu du lịch

Trong giai đoạn 2017 – 2019, số lượng khách du lịch đến Quảng Bình tăng lên nhanh chóng qua các năm, bao gồm cả khách nội địa và quốc tế. Năm 2019, tổng lượng khách đến du lịch tại Quảng Bình là 5 triệu lượt khách, tăng 51,52% so với năm 2017, trong đó lượng khách quốc tế đạt 270 lượt (tăng 2,7 lần so với năm 2017). Khách du lịch đến Quảng Bình chủ yếu vẫn là khách nội địa, trong khi tỷ lệ khách quốc tế còn khá khiếm tốn.

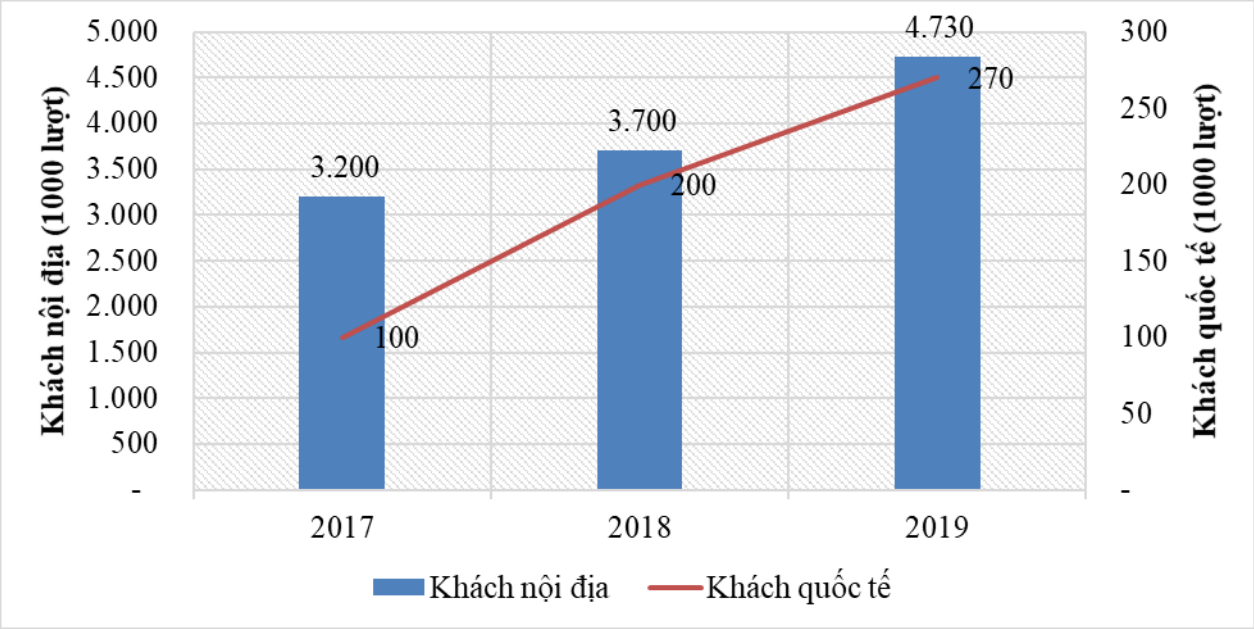

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Sở Du lịch Quảng Bình)

Hình 3.2. Số lượng khách du lịch đến Quảng Bình giai đoạn 2017 – 2019

Tổng thu xã hội từ du lịch của tỉnh Quảng Bình năm 2019 đạt trên 5,7 nghìn tỷ đồng, trong đó thu từ dịch vụ ăn uống chiếm đến 70,25% (tương ứng 4,04 nghìn tỷ đồng); thu từ dịch vụ lưu trú đạt khoảng 326 tỷ đồng (chiếm 5,7%); và các dịch vụ khác (gồm vận tải khách du lịch, phí thăm quan, phí dịch vụ khác,...) đạt 1,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,08%.

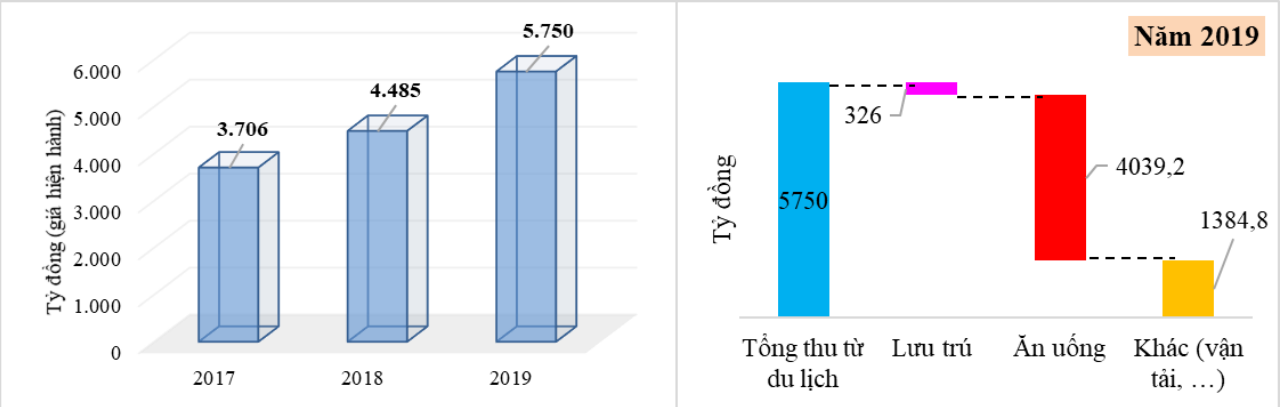

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Sở Du lịch Quảng Bình và Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình)

Hình 3.5. Tổng thu từ du lịch của tỉnh Quảng Bình

3.3. Kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

3.3.1. Chủ trương của chính quyền địa phương về hợp tác kết nối vùng phát triển du lịch

Chủ trương hợp tác song phương và đa phương để kết nối vùng du lịch đã được đưa vào trong các văn bản chính sách quan trọng của tỉnh Quảng Bình và của Chính phủ, như: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 đã nêu rõ mục tiêu phát triển các tuyến du lịch liên địa phương và liên vùng; Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 đã định hướng phát triển các tuyến du lịch và giải pháp liên kết phát triển du lịch.

3.3.2. Cơ chế điều phối kết nối vùng trong phát triển du lịch tại tỉnh Quảng Bình

Hoạt động kết nối vùng trong phát triển du lịch tại tỉnh Quảng Bình cũng như các địa phương khác ở vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung bộ chưa thiết lập một cơ chế liên kết theo hình thức bắt buộc được điều phối bởi Hội đồng vùng do Chính phủ hay Bộ ngành chỉ đạo thực hiện. Thay vào đó, việc liên kết hợp tác giữa các địa phương trong vùng được thực hiện theo cơ chế liên kết tự nguyện được lập ra trên cơ sở sáng kiến của lãnh đạo các địa phương trong vùng với việc thành lập Ban điều phối phát triển du lịch, trong đó cử luân phiên từng địa phương làm trưởng nhóm hợp tác. Tuy nhiên, Ban Điều phối không phải là một định chế trong hệ thống tổ chức nhà nước, không phải là một tổ chức được Nhà nước công nhận và liên kết phát triển du lịch.

3.3.3. Phân tích nội dung kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

3.3.3.1. Kết nối vùng trong xúc tiến du lịch

Xúc tiến du lịch là một trong những nội dung được ngành du lịch tỉnh Quảng Bình đặc biệt quan tâm khi tham gia vào hoạt động hợp tác kết nối vùng, trong đó chủ yếu tập trung vào việc quảng bá và giới thiệu sản phẩm du lịch thông qua ký kết nhiều văn bản hợp tác liên kết với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, một số tỉnh thành lân cận ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và một số địa phương ở vùng Đồng Bằng Sông Hồng và Duyên Hải Đông Bắc (điển hình là Hà Nội).

3.3.2.2. Kết nối vùng trong phát triển và đa dạng hóa sản phẩm du lịch

Quảng Bình đã đẩy mạnh các hoạt động liên kết vùng trong phát triển sản phẩm du lịch, có thể kể đến như: *"Con đường di sản miền Trung"* kết nối các di sản nổi bật nhất của 03 tỉnh Quảng Bình – Thừa Thiên Huế - Quảng Nam; liên kết với Quảng Trị và Thừa Thiên Huế và xây dựng sản phẩm đặc trưng chung của khu vực Bình - Trị - Thiên theo các chủ đề: *"Con đường di sản miền Trung"*, *"Hoài niệm về chiến trường xưa"*, *"Đường Hồ Chí Minh huyền thoại"*; và kết nối với các tỉnh phía Bắc Trung Bộ như Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa xây dựng sản phẩm *"Con đường sinh thái, văn hóa, tâm linh Bắc miền Trung gắn với du lịch có trách nhiệm và bền vững"*.

Bảng 3.4. Một số sản phẩm du lịch liên địa phương ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

Địa phương, vùng, quốc gia tham gia liên kết	Sản phẩm du lịch liên địa phương
▪ Quảng Bình – Thừa Thiên Huế - Quảng Nam ▪ Quảng Bình – Quảng Trị - Thừa Thiên Huế	• Con đường Di sản miền Trung
▪ Quảng Bình – Quảng Trị - Thừa Thiên Huế	• Hoài niệm về chiến trường xưa • Đường Hồ Chí Minh huyền thoại
▪ Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị -Thừa Thiên Huế	• Con đường sinh thái, văn hóa tâm linh Bắc miền Trung gắn với du lịch có trách nhiệm và bền vững.
▪ Quảng Bình – Thái Nguyên	• Từ thủ đô Gió ngàn về Quê hương Đại tướng

(Nguồn: Sở Du lịch tỉnh Quảng Bình)

Điểm yếu trong liên kết phát triển sản phẩm du lịch của tỉnh Quảng Bình với các địa phương trong vùng và ngoại vùng được các doanh nghiệp, các nhà quản lý đánh giá là: chưa xây dựng thương hiệu sản phẩm du lịch dùng chung, dẫn đến việc tổ chức quảng bá, giới thiệu sản phẩm du lịch không tạo được hiệu ứng lan tỏa đến khách du lịch; Sự trùng lặp về sản phẩm giữa các địa phương là rất phổ biến; các sản phẩm du lịch ở VQG PNKB ở tỉnh Quảng Bình có sức chứa thấp và một số sản phẩm rất kén du khách, tạo ra những hạn chế trong liên kết; những sản phẩm trong chuỗi liên kết vẫn chưa đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng của lượng khách du lịch và doanh thu du lịch.

3.3.2.3. Kết nối hệ thống giao thông liên vùng phục vụ du lịch

Ngành du lịch tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh các hoạt động hợp tác liên kết vùng, liên địa phương nhằm thiết lập các tuyến đường giao thông quan trọng, huyết mạch phục vụ vận chuyển hành khách du lịch từ các thị trường truyền thống, gồm cả đường bộ, đường biển, đường sắt và đặc biệt là hàng không. Đến tại thời điểm này, cảng hàng không Đồng Hới – Quảng Bình đã có 4 đường bay được kết nối với 4 trung tâm du lịch lớn, bao gồm TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Chiang Mai của Thái Lan. Ngoài ra, tuyến đường quốc lộ 12A kết nối giữa quốc lộ 1A (đoạn qua thị xã Ba Đồn) đi cửa khẩu Cha Lo trên biên giới Việt - Lào đang được đầu tư nâng cấp nhằm thu hút khách du lịch từ Lào và mở rộng sang các tỉnh Đông Bắc của Thái Lan và Myanmar đến Quảng Bình.

Đánh giá tổng thể cho thấy hệ thống giao thông kết nối giữa Quảng Bình với các vùng và trung tâm du lịch chưa đáp ứng nhu cầu đi lại của khách du lịch. Cơ sở hạ tầng của hệ thống cảng biển đang trong tình trạng kém phát triển; việc kết nối vùng dựa vào hệ thống giao thông đường sắt chưa được phát huy hiệu quả. So với những trung tâm du lịch khác ở các tỉnh DHMT như Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Nha Trang thì khả năng kết nối giao thông bằng đường hàng không phục vụ khách du lịch của Quảng Bình vẫn còn thấp.

3.3.2.4. Về kết nối vùng trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch

Kết quả điều tra cho thấy, hoạt động liên kết trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch chỉ được thực hiện chủ yếu ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, đó là các đơn vị lữ hành quốc tế và các cơ sở lưu trú đạt chuẩn từ 3 sao trở lên. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp du lịch có quy mô nhỏ chưa chú trọng đến hoạt động liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho đơn vị mình, một mặt là do hạn chế về nguồn lực, mặt khác do tính không ổn định về nhân lực.

Xét trên bình diện quản lý nhà nước, tỉnh Quảng Bình vẫn chưa có định hướng chiến lược liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các đơn vị, doanh nghiệp du lịch trong đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là chính sách hợp tác kết nối vùng trong đào tạo nguồn nhân lực chưa được chú trọng. Các cơ sở đào tạo ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chưa đáp ứng về chất lượng đào tạo, dẫn đến nhu cầu hợp tác, liên kết đào tạo nhân lực du lịch giữa doanh nghiệp Quảng Bình với các cơ sở đào tạo còn rất hạn chế.

3.3.3. Thực trạng liên kết giữa các doanh nghiệp và các bên liên quan trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

3.3.3.1 Tình hình liên kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch ở tỉnh Quảng Bình

Kết quả điều tra cho thấy, có khoảng 72,45% doanh nghiệp đã thực hiện các hoạt động liên kết với các đối tác. Tùy theo từng lĩnh vực kinh doanh, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia các hoạt động liên kết trong phát triển du lịch cũng khác nhau. Đối với các đơn vị lữ hành, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia liên kết là 100%; trong khi tỷ lệ này ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà hàng là 78% và cở sở lưu trú là 63,93%.

Các doanh nghiệp quy mô vừa có tỷ lệ tham gia liên kết cao hơn nhiều so với các doanh nghiệp nhỏ (tương ứng 69,8% so với 21,3%). Liên kết trong phát triển sản phẩm du lịch và các dịch vụ đi kèm được các doanh nghiệp ưu tiên thực hiện, với tỷ lệ tham gia là 90,2%; tiếp đến là liên kết để thực hiện hoạt động xúc tiến, quảng bá và giới thiệu sản phẩm du lịch (có khoảng 37,5% doanh nghiệp tham gia) và thấp nhất là liên kết đào tạo nguồn nhân lực (khoảng 22% doanh nghiệp).

Có khoảng 11% doanh nghiệp lựa chọn giải pháp đồng hành tham gia các chương trình chung của Sở Du lịch và Hiệp hội du lịch tỉnh Quảng Bình; 25,05% doanh nghiệp lựa chọn theo hình thức tự tổ chức; và có đến 63,6% doanh nghiệp kết hợp đồng thời cả 2 hình thức trên.

3.3.3.2. Phân tích mạng lưới liên kết giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch

Kết quả xử lý số liệu bằng phần mềm Ucinet cho thấy cấu trúc mạng lưới liên kết du lịch ở tỉnh Quảng Bình (gồm cả mạng lưới liên kết nội bộ và mạng lưới liên kết tổng thể) còn khá rời rạc, mật độ liên kết thấp.

Bảng 3.8. Các chỉ số đo lường cấu trúc tổng thể của mạng lưới

Chỉ số đo lường	Liên kết bên trong tỉnh Quảng Bình	Liên kết bên trong và ngoài tỉnh Quảng Bình
Tổng số tác nhân trong mạng lưới (nodes)	119	132
Số tác nhân không có liên kết	27	27
Tổng số liên kết (ties)	273	772
Số liên kết bình quân (Avg Degree)	2,294	5,848
Mật độ (Density)	0,019	0,045
Avg Distance	3,348	2,419
SD Distance	1,122	0,749

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019 được xử lý bằng phần mềm Ucinet)

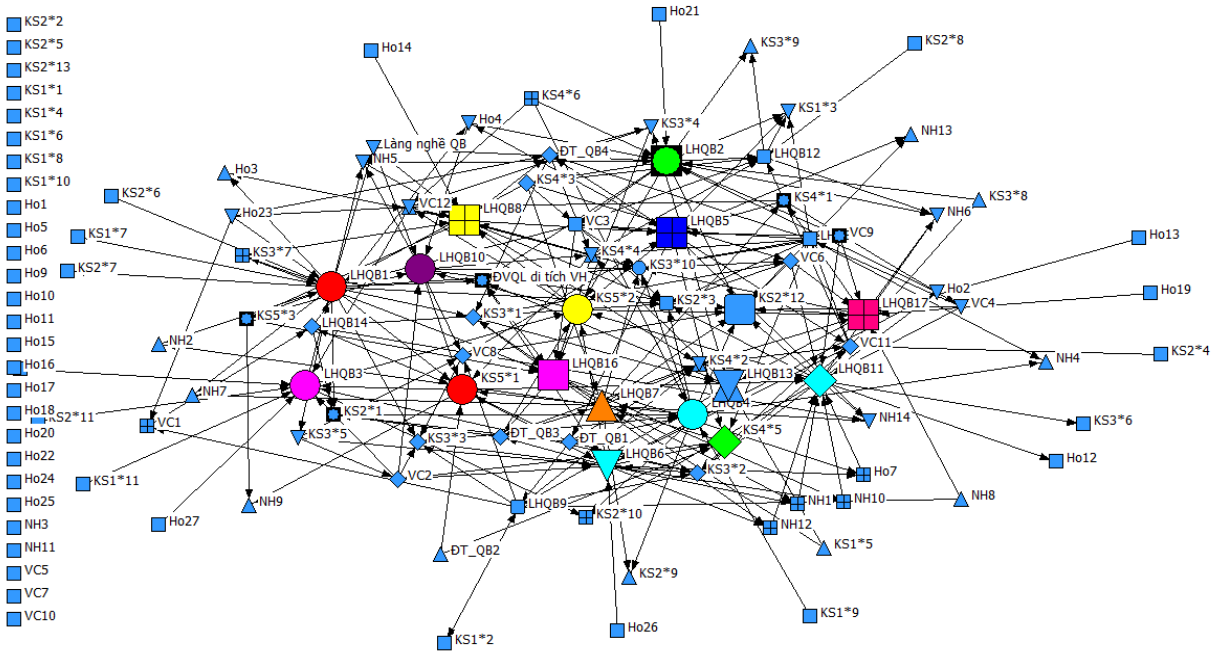

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019 được xử lý bằng phần mềm Ucinet)

Hình 3.14. Sơ đồ cấu trúc mạng lưới liên kết du lịch bên trong tỉnh Quảng Bình

Hầu hết các doanh nghiệp lữ hành có nhiều mối liên kết với các bên liên quan và được phân bố tập trung ở khu vực trung tâm của mạng lưới. Các cơ sở dịch vụ lưu trú, vận chuyển cũng có mối liên kết khá chặt chẽ với các hãng lữ hành, trong đó chủ yếu là các cơ sở dịch vụ lưu trú quy mô lớn (chủ yếu là khách sạn từ 4 – 5 sao), trong khi hệ thống các khách sạn từ 1 – 2 sao và các homestay đều có mức độ liên kết rất thấp và được phân bố ở phía ngoài rìa của mạng lưới. Vị trí của các đơn vị liên quan như cơ sở đào tạo, làng nghề và đơn vị quản lý di tích lịch sử, văn hóa đều nằm ở xa trung tâm mạng lưới, phản ánh mức độ liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch với những đơn vị này trên địa bàn tỉnh Quảng Bình còn khá mờ nhạt, thiếu sự gắn kết chặt chẽ.

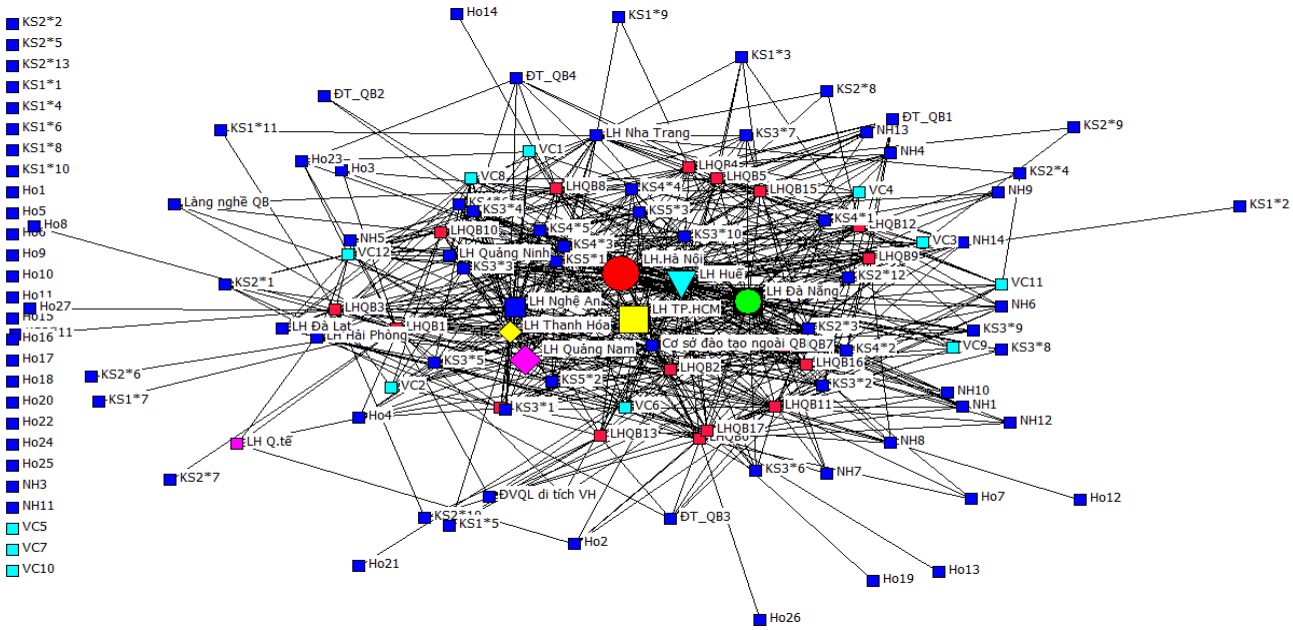

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019 được xử lý bằng phần mềm Ucinet)

Hình 3.15. Sơ đồ tổng thể cấu trúc mạng lưới liên kết các bên liên quan trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

Doanh nghiệp Lữ hành, các homestay và cơ sở đào tạo ở Quảng Bình có xu hướng tạo lập thêm các liên kết hợp tác ra bên ngoài hơn là họ nhận được liên kết từ các tác nhân khác. Mặc dù không được đánh giá cao về cường độ liên kết như doanh nghiệp lữ hành và các tác nhân khác trong mạng lưới, nhưng hệ thống cơ sở đào tạo và đặc biệt là loại hình dịch vụ homestay đã có sự chủ động tìm kiếm đối tác để hợp tác cùng có lợi.

Ngoại trừ DN lữ hành tỉnh Quảng Ninh và lữ hành quốc tế, còn lại các hãng lữ hành đến từ các địa phương khác ở trong nước đều có số liên kết ra cao hơn so với liên kết vào, tức là họ chủ động tạo lập liên kết thay vì chỉ nhận liên kết từ các DN ở tỉnh Quảng Bình. DN lữ hành đến từ Huế giữ vị trí số 1 về hệ số trung tâm giữa, thể hiện mức độ ảnh hưởng và tạo ra sức lan tỏa lớn nhất đến toàn bộ mạng lưới liên kết du lịch Quảng Bình.

Bảng 3.9. Các chỉ số đo lường tính trung tâm của mạng lưới liên kết du lịch tỉnh Quảng Bình

Tác nhân	Hệ số trung tâm trực tiếp		Chênh lệch giữa liên kết đi vào và ra	Hệ số trung tâm cận kề		Hệ số trung tâm giữa
	Đi ra	Đi vào		Đi ra	Đi vào	
Lữ hành Q. Bình	0,134	0,108	-0,026	0,311	0,315	0,018
Khách sạn 5 sao tại Q. Bình	0,114	0,132	0,018	0,314	0,322	0,007
Khách sạn 4 sao tại Q. Bình	0,069	0,090	0,022	0,305	0,315	0,004
Khách sạn 3 sao tại Q. Bình	0,029	0,077	0,048	0,292	0,312	0,001
Khách sạn 2 sao tại Q. Bình	0,007	0,023	0,016	0,225	0,240	0,000
Khách sạn 1 sao tại Q. Bình	0,004	0,006	0,002	0,209	0,203	0,000
Homestay tại Q. Bình	0,007	0,006	-0,001	0,208	0,191	0,000
Nhà hàng tại Q. Bình	0,013	0,032	0,019	0,256	0,283	0,000
DN Vận chuyển Q. Bình	0,039	0,055	0,015	0,264	0,270	0,001
Cơ sở đào tạo Q. Bình	0,031	0,014	-0,017	0,267	0,238	0,000
Làng nghề	0,015	0,023	0,008	0,265	0,277	0,000
Đơn vị QL di tích, V. hóa	0,031	0,038	0,007	0,263	0,287	0,001
Lữ hành quốc tế	0,038	0,046	0,008	0,273	0,280	0,002
Lữ hành Hà Nội	0,527	0,290	-0,237	0,357	0,339	0,085
Lữ hành Quảng Ninh	0,069	0,069	0,000	0,290	0,304	0,003
Lữ hành Hải Phòng	0,061	0,038	-0,023	0,284	0,284	0,002
Lữ hành Thanh Hóa	0,214	0,061	-0,153	0,321	0,294	0,013
Lữ hành Nghệ An	0,130	0,099	-0,031	0,305	0,313	0,007
Lữ hành Huế	0,443	0,427	-0,016	0,347	0,366	0,126
Lữ hành Đà Nẵng	0,466	0,252	-0,214	0,350	0,336	0,055
Lữ hành Quảng Nam	0,176	0,107	-0,069	0,313	0,312	0,009
Lữ hành Nha Trang	0,168	0,046	-0,122	0,309	0,278	0,016
Lữ hành Đà Lạt	0,076	0,038	-0,038	0,289	0,283	0,001
Lữ hành TP. Hồ Chí Minh	0,252	0,221	-0,031	0,329	0,333	0,029
Cơ sở đào tạo ngoài QB	0,145	0,244	0,099	0,313	0,340	0,028

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019 được xử lý bằng phần mềm Ucinet)

3.4. Đánh giá tác động của kết nối vùng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp du lịch

Các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp đã ghi nhận một số lợi ích khi tham gia vào các hoạt động kết nối vùng, đó là giúp các doanh nghiệp có cơ hội chia sẻ kiến thức, trao đổi thông tin và nguồn lực để thực hiện các hoạt động kinh doanh. Việc tham gia các hoạt động kết nối vùng đã giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí xúc tiến, quảng bá giới thiệu sản phẩm du lịch.

Tuy nhiên, hoạt động liên kết trong đầu tư, trong đào tạo nhân lực và phát triển sản phẩm dịch vụ hoặc liên kết ở cấp độ đối tác chiến lược, liên doanh liên kết là chưa được thực hiện một cách sâu rộng và phổ biến. Mặt khác, phạm vi tác động của kết nối vùng là khá hẹp, mới chỉ giới hạn trong lĩnh vực lữ hành. Nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lưu trú, dịch vụ ăn uống, vận chuyển hành khách chưa đón nhận được những lợi ích từ quá trình tham gia kết nối vùng mà nguyên nhân trực tiếp đó chính là mức độ tham gia liên kết của những doanh nghiệp này là chưa cao, nhất là các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh quy mô nhỏ.

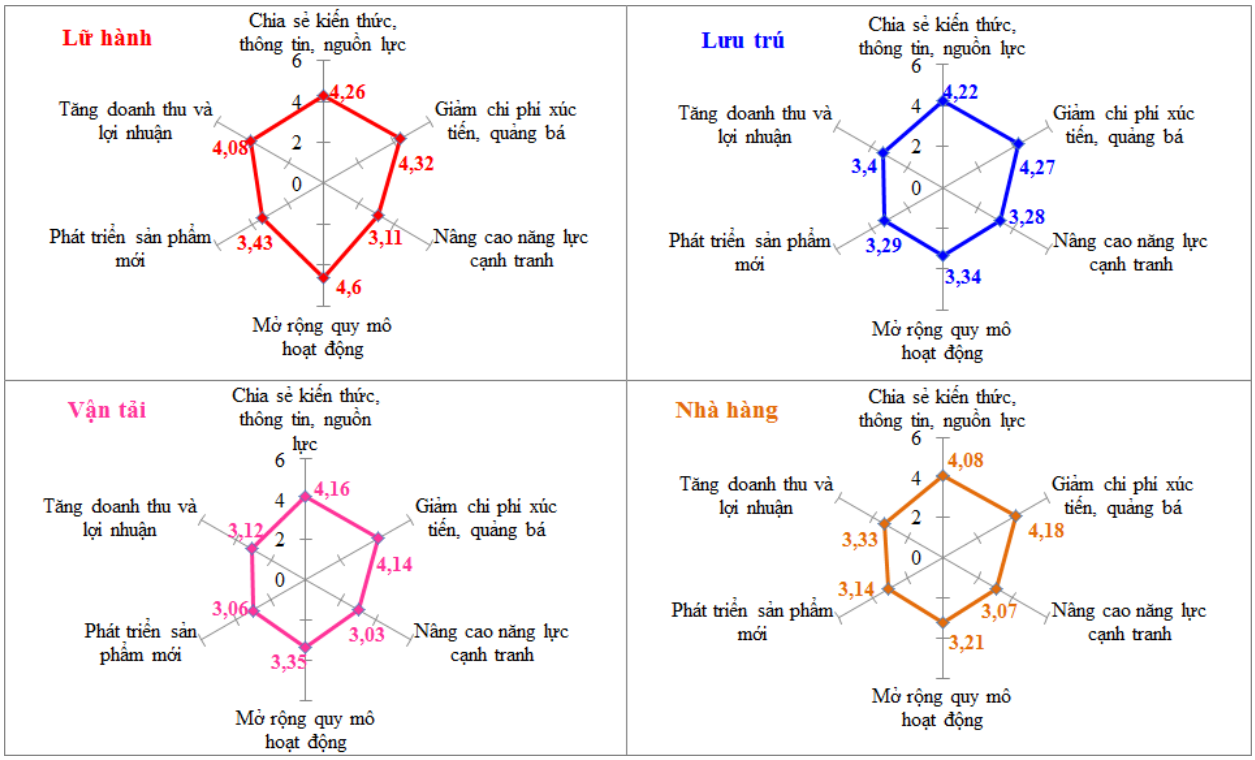

(Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát doanh nghiệp)

Hình 3.11. Đánh giá của doanh nghiệp về tác động của kết nối vùng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch ở tỉnh Quảng Bình

3.5. Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

Về kinh tế: Mặc dù khu vực dịch vụ chiếm 54,46% trong GRDP của tỉnh năm 2019 tính theo giá hiện hành và đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm, nhưng mức độ đóng góp của ngành du lịch vào GRDP của tỉnh Quảng Bình vẫn còn thấp.

Về xã hội: Tác động của ngành du lịch đối với một bộ phận dân cư vùng nông thôn Quảng Bình đã trở nên rõ nét, mang lại nhiều lợi ích thiết thực và đóng góp vào những nỗ

lực giảm nghèo của địa phương, điều này có thể dẫn chứng qua sự phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại vùng đệm VQG PNKB. Tuy nhiên, sự phát triển du lịch cộng đồng đã làm tăng chi phí sinh hoạt; nguy cơ chia rẽ trong cộng đồng do cạnh tranh và trùng lặp ý tưởng về cách làm du lịch cộng đồng. Cơ hội cho người nghèo được tham gia vào loại hình du lịch này vẫn còn hạn chế, phần nhiều là do quy mô kinh doanh của du lịch cộng đồng chưa đủ lớn, trình độ học vấn, hiểu biết của đại bộ phận người dân ở các khu vực nông thôn còn khá hạn chế.

Về môi trường: Hệ thống tuyến điểm du lịch, cũng như mật độ cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống phục vụ khách du lịch ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chưa nhiều, do đó tác động của hoạt động du lịch đến môi trường theo chiều hướng tiêu cực chưa xảy ra trên phạm vi diện rộng. Vấn đề đáng quan tâm nhất hiện nay đó chính là các sản phẩm du lịch ở khu vực VQG PNKB phần lớn thuộc nhóm sản phẩm du lịch đại trà, nhưng có sức chứa thấp, điều này dẫn đến tình trạng quá tải vào mùa cao điểm, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của Di sản thiên nhiên thế giới VQG PNKB.

3.6. Phân tích những cơ hội và rào cản kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

3.6.1. Cơ hội

Nhu cầu du lịch luôn tăng trên phạm vi toàn cầu và xu thế dịch chuyển dòng khách du lịch quốc tế từ khu vực châu Âu sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương là xu thế rõ rệt và không thể đảo ngược. Trong đó, Đông Nam Á là địa bàn có mức tăng trưởng du lịch vào loại lớn nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Mặt khác, du lịch đang đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Quảng Bình nằm ở vị trí trung tâm của vùng du lịch Bắc Trung Bộ và gần với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ - là những vùng có tốc độ tăng trưởng cao về lượng khách và doanh thu du lịch trong nhiều năm liền.

Nhiều chính sách phát triển du lịch của Chính phủ Việt Nam đã tạo khung pháp lý quan trọng để tỉnh Quảng Bình đẩy mạnh phát triển ngành du lịch trong mối liên kết chặt chẽ với các địa phương.

3.6.2. Rào cản kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình

Tính mùa vụ trong phát triển du lịch là yếu tố cản trở rất lớn đối với việc đẩy mạnh kết nối vùng trong phát triển du lịch của tỉnh Quảng Bình. Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ; ngân sách hạn chế; thiếu sự gắn kết giữa việc bảo tồn các giá trị văn hóa, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch, giữa du lịch với ngành nông nghiệp; các đơn vị kinh doanh lữ hành vẫn chưa thể hiện được vai trò làm cầu nối cung – cầu ở trên thị trường du lịch tỉnh Quảng Bình; sự phụ thuộc và bị chi phối bởi các hãng lữ hành từ các trung tâm du lịch ngoài tỉnh là những rào cản đối với kết nối vùng trong phát triển du lịch.

CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI VÙNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG BÌNH

Từ thực trạng kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình đã được phân tích, luận giải ở chương 3, luận án đã nêu rõ quan điểm, mục tiêu và định hướng kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình, làm cơ sở đề xuất các giải pháp tăng cường kết nối vùng phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình, được tóm tắt lại một số hàm ý theo từng giải pháp cụ thể như sau:

4.2.1. Giải pháp đổi mới cơ chế, chính sách kết nối vùng

Cần thiết lập kênh đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh Quảng Bình với các địa phương tham gia hợp tác kết nối và các bộ ngành chức năng có liên quan để thống nhất nhận thức, qua đó có được sự đồng thuận mang tính tự nguyện của các chủ thể liên kết.

Thành lập cơ sở dữ liệu du lịch chung toàn vùng hoặc giữa các địa phương tham gia kết nối với tỉnh Quảng Bình nhằm phục vụ cho cho mục đích nghiên cứu phát triển du lịch, kết nối sản phẩm - dịch vụ du lịch của địa phương mình với các địa phương khác trong vùng.

4.2.2. Giải pháp liên kết xúc tiến giới thiệu và quảng bá thương hiệu du lịch

Sớm xây dựng và định vị thương hiệu du lịch Quảng Bình. UBND tỉnh Quảng Bình cần cụ thể hóa cơ chế hợp tác giữa các doanh nghiệp, hiệp hội du lịch Quảng Bình và Sở du lịch tỉnh Quảng Bình bằng văn bản, chính sách trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm du lịch.

Việc đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá giới thiệu sản phẩm du lịch Quảng Bình cần phải được xác định các nhóm thị trường có thể hướng đến khai thác sử dụng các gói sản phẩm du lịch Quảng Bình. Xúc tiến thành lập "Quỹ xúc tiến du lịch vùng" hoặc trong khối liên kết giữa Quảng Bình với các địa phương bằng nguồn thu từ huy động nguồn lực xã hội (doanh nghiệp du lịch).

4.2.3. Giải pháp tăng cường liên kết sản phẩm du lịch

Ngành du lịch tỉnh Quảng Bình khẩn trương định vị thương hiệu du lịch của tỉnh nhằm tạo điểm nhấn du lịch và sức hấp dẫn đối với du khách cũng như các doanh nghiệp trong và ngoài nước thực hiện liên kết và thiết kế các tour du lịch đến Quảng Bình.

Cần đẩy mạnh phát triển 2 trung tâm du lịch chính mang tính đặc thù của địa phương, bao gồm trung tâm du lịch ở khu vực Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng và trung tâm du lịch biển (lấy du lịch biển ở thành phố Đồng Hới làm hạt nhân). Ngoài ra, phát triển một số sản phẩm du lịch quan trọng như văn hóa, du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng nhằm tạo thành những sản phẩm du lịch vệ tinh, góp phần giảm áp lực cho những sản phẩm du lịch ở Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng vào mùa cao điểm du lịch.

Xây dựng chiến lược phát triển du lịch mang tính tổng hợp liên vùng và liên ngành, dựa trên nền tảng cốt lõi nhất là tài nguyên du lịch tự nhiên (hệ thống hang động, biển) nhằm khai thác một cách có hiệu quả tài nguyên du lịch đặc thù của địa phương, tránh trùng lắp trong việc hình thành các sản phẩm du lịch.

4.2.4. Giải pháp hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối vùng trong phát triển du lịch

Sớm thiết lập thêm các tuyến, điểm xe buýt nội thành Đồng Hới, các tuyến từ thành phố Đồng Hới đến các điểm du lịch, ga đường sắt, sân bay Đồng Hới nhằm tạo điều kiện thuận lợi đi lại cho khách du lịch.

Đẩy mạnh khai thác hiệu quả 4 tuyến đường bay đã được thiết lập làm cơ sở để tiến tới nâng cấp sân bay Đồng Hới thành sân bay quốc tế; mở rộng kết nối với các sân bay nội địa khác theo định hướng thị trường vùng du lịch di sản kết hợp nghỉ dưỡng miền Trung mà Đề án của Chính phủ phê duyệt.

Ưu tiên đẩy mạnh phát triển một số tuyến giao thông đường thủy phục vụ khách du lịch đến thăm quan các điểm du lịch khảo cứu lịch sử, tìm hiểu các giá trị văn hóa độc đáo của từng miền quê dọc theo các dòng sông.

4.2.5. Giải pháp kết nối vùng trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Quy hoạch và định hướng đầu tư hệ thống cơ sở đào tạo và dạy nghề có trọng điểm, tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, tránh mở rộng và dàn trải về số lượng; chú trọng phát triển một số chuyên ngành đào tạo trong lĩnh vực du lịch tại Trường Đại học Quảng Bình ngang tầm với một số trường đại học trọng điểm ở khu vực miền Trung như Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng.

Lựa chọn một số cơ sở đào tạo nghề tốt nhất hiện tại để quy hoạch phát triển các mô hình đào tạo nguồn nhân lực du lịch theo đơn đặt hàng của doanh. Tăng cường hợp tác với các địa phương để đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch; hợp tác đào tạo hướng dẫn viên dành cho khách du lịch tiếng hiếm (Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, …) trong khối liên kết các địa phương vùng Bắc Trung Bộ.

4.2.6. Giải pháp tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp lữ hành

Các đơn vị lữ hành ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình cần chủ động trong việc liên kết với các Câu lạc bộ lữ hành UNESCO Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để thiết lập liên minh bán hàng, xây dựng nhiều chương trình đưa khách đến với Quảng Bình cũng như chia sẻ kinh nghiệm trong điều hành và quản lý tour.

Hiệp hội du lịch Quảng Bình cần tạo ra cầu nối trung gian để các doanh nghiệp lữ hành có sự đồng thuận trong xây dựng những sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương.

4.2.7. Giải pháp kết nối vùng trong phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường

Liên kết với các địa phương có lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên nhằm phát triển chuỗi sản phẩm "Du lịch xanh" với nòng cốt là du lịch sinh thái. Tăng cường liên kết giữa các địa phương nhằm nâng cao năng lực quản lý "sức chứa" đối với các khu, điểm du lịch tự nhiên, từ đó hạn chế được tác động đến tài nguyên và môi trường tự nhiên. Đẩy mạnh phối hợp liên vùng, liên địa phương trong hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; coi vấn đề BĐKH cũng là một tiêu chí trong thẩm định dự án phát triển du lịch.

PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án đã bổ sung được các khoảng trống từ các đề tài nghiên cứu trước đây; làm rõ nội hàm nghiên cứu về kết nối vùng trong phát triển du lịch của một địa phương với một hay nhiều địa phương khác trong cùng một vùng du lịch (nội vùng) hoặc với một vùng du lịch khác (ngoại vùng); xây dựng khung khái niệm, khung phân tích kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững. Khung phân tích trong nghiên cứu này được xem là đóng góp mới về mặt lý luận của Luận án.

Thực trạng kết nối vùng trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình đã được luận giải, phân tích và đánh giá toàn diện trên bình diễn vĩ mô lẫn vi mô. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra những hạn chế, điểm yếu của kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình, cụ thể: hoạt động quản lý và khai thác các điểm đến du lịch hiện nay vẫn được thực hiện theo sự phân chia địa giới và tổ chức hành chính trong từng địa phương; chưa có được sự liên kết trong xây dựng và điều phối chung toàn vùng hoặc giữa Quảng Bình với các địa phương tham gia liên kết về chiến lược phát triển, quy hoạch, đầu tư, phát triển du lịch và quản trị tài nguyên du lịch.

Hoạt động liên kết, hợp tác giữa Quảng Bình với các địa phương, vùng chưa chú trọng đến vấn đề phát triển du lịch bền vững. Mức độ liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch và các bên liên quan trong nội bộ tỉnh Quảng Bình và kể cả bên ngoài tỉnh Quảng Bình vẫn còn thấp. Các doanh nghiệp lữ hành Quảng Bình chưa thể hiện vai trò trung tâm kết nối với các tác nhân bên ngoài tỉnh Quảng Bình, thay vào đó là sự phụ thuộc và chịu sự chi phối của các hãng lữ hành đến từ các trung tâm du lịch lớn trong nước. Chưa có sự gắn kết giữa doanh nghiệp du lịch với các bên liên quan (các làng nghề truyền thống, các đơn vị quản lý di tích lịch sử, văn hóa, cơ sở đào tạo) ở trên địa bàn tỉnh.

Luận án đã đi sâu phân tích tính bền vững trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình trên 3 phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường. Về phương diện kinh tế, du lịch đang trở thành ngành kinh tế quan trọng để nền kinh tế của tỉnh Quảng Bình chuyển dịch theo hướng dịch vụ. Tuy nhiên, tác động của ngành du lịch đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Bình vẫn còn thấp. Về phương diện xã hội, ngành du lịch đã tạo ra nhiều việc làm cho người dân địa phương; một số sản phẩm du lịch cộng đồng đã bắt đầu phát triển, góp phần tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn. Tuy vậy, người dân hưởng lợi từ kết quả phát triển du lịch chưa được nhiều. Về mặt môi trường, mặc dù tác động của hoạt động du lịch đến môi trường theo chiều hướng tiêu cực tại các điểm đến chưa xảy ra trên phạm vi diện rộng, nhưng những sản phẩm du lịch ở VQGPNKB thường đối diện tình trạng quá tải vào mùa cao điểm do sức chứa thấp, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của Di sản thiên nhiên thế giới VQG PNKB.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, Quảng Bình đang có nhiều cơ hội và tiềm năng lớn để đẩy mạnh kết nối vùng trong phát triển du lịch, đó là vị trí địa lý, tài nguyên du lịch, các chính sách vĩ mô của nhà nước. Tuy nhiên, ngành du lịch Quảng Bình đã và đang đối diện với những rào cản và thách thức lớn trong việc đẩy mạnh các hoạt động liên kết, đó là

tính mùa vụ cao của sản phẩm du lịch; các nguồn lực đầu tư cho ngành du lịch của địa phương còn hạn chế; các đơn vị lữ hành chưa phát huy vai trò hạt nhân trong liên kết.

Căn cứ kết quả nghiên cứu, đề tài luận án đã đưa ra quan điểm, mục tiêu, định hướng kết nối vùng trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình và đề xuất 7 giải pháp tăng cường kết nối vùng trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững. Việc đề xuất 7 nhóm giải pháp cũng là một đóng góp mới về mặt thực tiễn của luận án.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nghiên cứu nhất định, nhưng do nội hàm nghiên cứu về kết nối vùng trong phát triển du lịch khá rộng, cùng với sự hạn chế về điều kiện thời gian, nguồn lực và năng lực bản thân, do đó một số nội dung nghiên cứu vẫn chưa được giải quyết, cụ thể: nghiên cứu mới chỉ dừng lại trong phạm vi lãnh thổ của Việt Nam; Tác động của kết nối vùng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chưa được lượng hóa bằng các công cụ định lượng; đề tài luận án chưa tiếp cận phân tích theo chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm du lịch để từ đó phân tích lợi ích - chi phí giữa các tác nhân tham gia vào chuỗi liên kết. Hy vọng đây là những hướng gợi mở cho các nghiên cứu trong thời gian tới của tác giả nói riêng và những nhà nghiên cứu quan tâm đến chủ đề kết nối vùng trong phát triển du lịch.

2. Kiến nghị

Đối với Chính phủ, ban hành Quy chế hoạt động tổ chức (thí điểm) quản lý vùng trong lĩnh vực du lịch; công nhận Ban Điều phối hợp tác vùng trong phát triển du lịch là tổ chức có tư cách pháp nhân nhằm triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế điều phối liên kết phát triển vùng.

Đối với các địa phương tham gia liên kết, bố trí nguồn kinh phí hằng năm thực hiện xúc tiến quảng bá, xây dựng tour tuyến, đào tạo nhân lực. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kết nối, trao đổi trực tuyến giữa các tổ công tác địa phương.

Đối với tỉnh Quảng Bình, Sớm xây dựng và định vị thương hiệu du lịch Quảng Bình; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư về du lịch đang triển khai.

Đối với Hiệp hội du lịch Quảng Bình, Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp du lịch tỉnh Quảng Bình; xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và từng giai đoạn cụ thể trong triển khai các chương trình liên kết, hợp tác kết nối vùng. Kêu gọi các doanh nghiệp chia sẻ và phân phối lượng khác du lịch trong mùa cao điểm.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Đức Trọng và Nguyễn Văn Phát (2021), "Liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch và các bên liên quan trong phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình: Tiếp cận phân tích mạng lưới" *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển.*
2. Nguyễn Văn Phát, Lê Đức Trọng và Nguyễn Mạnh Hùng (2021) "Liên kết phát triển du lịch tại vườn Quốc gia Phong Nha – Kẽ Bàng, tỉnh Quảng Bình" Tạp chí Khoa học Quản lý & Kinh tế, Số 18
3. Nguyễn Văn Phát và Lê Đức Trọng (2018), Liên kết vùng trong phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình, *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình*, Số 2/ 2018, Tr. 73-80. ISSN 0866-7543**.**

HUE UNIVERSITY
UNIVERSITY OF ECONOMICS

LE DUC TRONG

REGIONAL CONNECTIVITY IN SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT IN QUANG BINH PROVINCE

ABSTRACT OF DOCTORAL THESIS IN BUSINESS ADMINISTRATION

HUE - 2022

The research was completed at

UNIVERSITY OF ECONOMICS, HUE UNIVERSITY

SUPERVISOR: ASSOC.PROF. NGUYEN VAN PHAT, PHD

Reviewer 1: …….

Reviewer 2: ……..

The thesis will be defended at Hue University's thesis defense meeting on the …….. day of …….. in 2022.

PART I. INTRODUCTION

1. The urgency of the research

Having advantages of tourism resources, especially natural tourism resources, Quang Binh has become an attractive place for domestic and foreign tourists. According to the statistical yearbook of Quang Binh province in 2019, the number of tourists to Quang Binh reached 5 million visitors, including 270 thousand international visitors; total tourism revenue in 2019 is estimated at VND 5.7 trillion. However, this result is not commensurate with the advantages and potential of tourism resources of the province. The majority of visitors to Quang Binh are mainly domestic visitors (accounting for about 95% in recent years), short stay, low spending. The spread of the industry to the local socio-economy is not obvious.

Being aware of the situation, in recent years, Quang Binh province has implemented various solutions to promote tourism to become its key economic sector, notably, the promotion of cooperation with other localities and regions within Vietnam and beyond such as Chiang Mai of Thailand. However, the cooperation is only at an early stage, lacks orientation, lacks constraints, has not been realized, as a result, the resources and advantages of Quang Binh have not been effectively exploited. Therefore, research on regional connectivity in tourism development in Quang Binh province in the direction of sustainability is both theoretically and practically urgent in the current context, thereby solutions to connect the regions to develop tourism of Quang Binh province in the coming time can be found.

Stemming from that reality, the PhD candidate decided to choose the research "***Regional connectivity in sustainable tourism development in Quang Binh province"*** to be his doctoral thesis.

2. Research objectives

2.1. General objectives

To interpret the theoretical issues of regional connectivity in sustainable tourism development and apply them to the case study of Quang Binh province, thereby to propose solutions to enhance regional connectivity to develop Quang Binh tourism industry effectively and sustainably.

2.2. Specific objectives

1) The first objective: To systematize and clarify theoretical and practical issues of regional connectivity in sustainable tourism development;

2) The second objective: To assess the situation of regional connectivity in sustainable tourism development in Quang Binh province;

3) The third objective: To analyze the factors affecting regional connectivity in tourism development in Quang Binh province;

4) The fourth objective: To propose solutions to enhance regional connectivity in sustainable tourism development in Quang Binh province.

3. Research Questions

The study was conducted to answer the questions: By what theoretical framework should the study of regional connectivity in sustainable tourism development be approached

and which analytical framework should be applied? In what ways and forms are regional connectivity activities in tourism development in Quang Binh province carried out? What is the role of local governments (state management agencies) in regional connectivity in tourism development in Quang Binh province? How do related businesses and organizations participate in regional connectivity activities to develop tourism in Quang Binh province? What is the structure of the linkage network and the level of linkage between businesses and related organizations in tourism development in Quang Binh province? What is the impact of regional connectivity on business performance? How sustainable is the tourism development based on regional connectivity cooperation activities of Quang Binh province? What are the opportunities and barriers to regional connectivity in tourism development in Quang Binh province? What are the solutions to promote regional connectivity in tourism development in Quang Binh province in a sustainable way?

4. Research subjects and scopes

4.1. Research subjects

These are the theoretical and practical issues of regional connectivity in tourism development in Quang Binh province in a sustainable way.

4.2. Research scopes

- Spatial scope: Regional connectivity activities in tourism development in Quang Binh province (intra-regional and external connections); surveys and investigations of tourism service businesses operating in Quang Binh and tourists visiting tourist destinations in Quang Binh province.

- Temporal scope: Secondary data were collected in the period 2010 – 2019. Primary data were collected in 2017 and 2019.

- Content scope:

Regarding regional connectivity: Analyze and evaluate 04 core contents, including: 1) regional connectivity in tourism promotion activities; 2) regional connectivity in the development and diversification of tourism products; 3) connecting the transport system for tourism; 4) regional connectivity in human resource training for tourism.

Regarding the scope of regional connectivity: Study on regional connectivity within the nation's territory, including activities connecting Quang Binh province with other localities in tourist areas in the territory of Vietnam, specifically: 1) intraregional (localities in North Central Vietnam); 2) external (South Central Vietnam's Delta, mainly Da Nang and Quang Nam); the Red River delta and the Northeast coast (Hanoi, Hai Phong); the Southeast region (Ho Chi Minh City).

Regarding subjects participating in regional connectivity activities: Access to analyze and assess the role of local governments (management agencies) from the perspectives of state management in regional connectivity activities in tourism development in Quang Binh province. Analyze the participation of related businesses and organizations in regional connectivity activities in tourism development.

5. Contributions of the thesis

5.1. Theoretical contributions

- The thesis provides views and concepts of regional connectivity and regional connectivity in tourism development, of regional connectivity in sustainable tourism

development; Identifies the contents of research on regional connectivity in sustainable tourism development in Quang Binh province.

- The thesis selects an appropriate approach, analytical framework, research methods and research indicator system to achieve the set research objectives. In particular, the thesis proposes quantitative research methods using network analysis techniques to assess and clarify the network structure and the level of linkage between tourism businesses and stakeholders within Quang Binh province and outside Quang Binh province.

5.2. Practical contributions

- Comprehensive analysis and assessment of the situation of regional connectivity in tourism development in Quang Binh province: from the generalization of tourism areas; cooperation mechanisms in tourism areas; forms and subjects participating in regional connectivity, contents of regional connectivity in tourism development.

- In-depth analysis of network structure and level of cooperation between tourism businesses and other stakeholders within Quang Binh province and outside Quang Binh province; assessment of the impact of regional connectivity on the performance of the businesses.

- Assessment of the sustainability of tourism development in Quang Binh province based on cooperation activities to connect the regions in economic, social and environmental aspects; Identification, evaluation and analysis of opportunities and barriers to regional connectivity in tourism development in Quang Binh province. On that basis, a number of systematic and synchronous solutions are proposed to enhance regional connectivity in tourism development in Quang Binh province in the coming time.

In short, up to now, no research has been conducted on this topic in Quang Binh province. Unlike the other research works in the field of culture and tourism, the research content of the thesis is more about economics and management. Therefore, the thesis is an important reference document with a valid scientific basis for managers and policy makers in developing sustainable tourism development policies and strategies not only at the local level but also more broadly at the regional level.

6. The structure of the thesis

The thesis is structured into 4 parts, specifically:

Part I. Introduction

Part II. Overview of domestic and foreign research on regional connectivity in sustainable tourism development

Part III. Research content and results (including 04 chapters)

Part IV. Conclusions and recommendations

PART II. OVERVIEW OF DOMESTIC AND FOREIGN RESEARCH ON REGIONAL CONNECTIVITY IN SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT

1. Overview of overseas studies

1.1. Research works on connecting regions outside the national territory

Research works on transnational connectivity includes issues such as regional integration and cooperation and forms of cross-border linkages in tourism development between countries. Among them are the typical research works of Cevat et al. (2005); Eeva (2007); Golam (2009); Vannarith (2013). The studies mainly focus on analyzing the

situation of regional connectivity cooperation in tourism development among neighboring countries sharing borders; responsibilities of state authorities and the participation of tourism businesses (private sector) in cross-border linkage activities; identify challenges and barriers to regional connectivity, including regional cultural, historical, political and security differences. However, most research works focus on qualitative analysis; lack survey data, as a result the content of regional connectivity has not been evaluated comprehensively and systematically.

1.2. Study of regional connectivity within the national territory

In this field, the studies focus on the issues of tourism connections among localities in a socio-economic region (intra-regional connections), between a locality and other localities outside the socio-economic zone (external connections). These include the work of the authors: Economou et al. (2005), Huang (2014), Kuznetsova et al. (2017), Maximilian (2017). These studies assessed and analyzed deeply the situation of bilateral and multilateral cooperation between regions and tourism centers at the local level inside the territory of a country in order to realize common goals in tourism development such as sharing resources, exploiting mutual advantages, forming tourism clusters. The results of these studies contribute theoretically as well as practically in the analysis of intraregional connectivity for tourism development at the level of a locality. This is a useful reference for assessing and analyzing the situation of intra-regional connectivity in Quang Binh province in tourism development.

1.3. Research on sustainable tourism development

The thesis also generalizes recent research works on the theme of sustainable tourism development to complement the theoretical basis of research for the thesis topic. The author has compiled several case studies by Cevat et al. (2001); Regina (2011); Bozena et al. (2016). Studies that have highlighted the implementation of the principles of sustainable tourism development are limited due to the setting of tourism growth targets at all costs. The overexploitation of cultural and natural heritage values leads to the degradation of the heritage system; the massive development of tourist attractions leads to architectural and environmental pollution. Most studies have shown that achieving the goal of sustainable tourism development requires state intervention and regulation, and it will fail with private sector alone. Thus, these studies suggest an analytical approach to sustainable tourism development in Quang Binh province based on regional connectivity policies.

2. Overview of domestic studies

2.1. Research on regional connectivity in tourism development

Up to now, domestic studies are limited to researching regional connectivity activities within the territory of Vietnam, including studies by the following authors: Nguyen Van Khanh et al. (2017); Nguyen Dinh Hien et al. (2017); Nguyen Thi Van Hoa et al. (2018); Pham Hong Cuc et al. (2018); Hoang Van Hoa (2019); Le Van Phuc et al. (2020); Tran Xuan Quang (2020); Nguyen Quoc Toan (2020). Most of the studies focus on analyzing and assessing the situation of regional and subregional connectivity (mainly cooperation between localities in a tourism region) with main contents such as promoting tourism brands, developing products, and designing inter-local tourism routes. The results of the study show limitations in regional connectivity: heavily form-focused, lack of a common coordination mechanism, there exists local competition. However, the studies only

describe and introduce regional linkage policies; the use of stakeholder survey data to draw conclusions is still subjective on the part of interviewees, without verification and comparison. The studies do not delve into the analysis of forms of regional cooperation; how the impact of cooperation programs on tourism across the region remains unanswered.

2.2. Research on sustainable tourism development

The topic of sustainable tourism development is also researched by several authors, such as: Bui Duc Tinh (2009); Le Duc Vien (2017); Le Dang Lang et al. (2020). Just like oversea studies, domestic research largely deals with 3 aspects of sustainable tourism development: society - economics - environment. The economic goal is still a priority in localities' tourism development policies, which is to increase the number of visitors and tourism revenue. The authors emphasize the level of contribution of the tourism industry to society such as creating jobs, giving opportunities for local people to participate in the tourism industry through the community tourism model. Limited financial resources, the small scale of tourism businesses make the implementation of sustainable principles very difficult. We believe that there should be a combination of state regulatory policies and the participation of businesses in the implementation of sustainable tourism development goals.

3. Research gaps

What the theoretical content of regional connectivity in sustainable tourism development is and how it is applied to practical conditions for empirical research in a locality are gaps or intersections in theory and practice that need to be further clarified, specifically:

- The rationale for regional connectivity in tourism development has not been systematically analyzed and interpreted, from the concept of region, the basis for determining tourism zones and regional connectivity in tourism development.

- Many core issues and focuses of the research content have not yet been comprehensively and systematically analyzed, namely: the role of local governments, guidelines, policy institutions, governance mechanisms for coordination among localities on regional connectivity activities; the participation of private sectors in connectivity activities to develop tourism; the impact of regional connectivity on the performance of tourism businesses.

- The content of regional connectivity in sustainable tourism development is still a question that has not been theoretically and practically answered thoroughly and clearly in previous studies.

- When placed in the context of linking regions to develop tourism in a specific locality such as Quang Binh province, this is a topic that has not been systematically and comprehensively studied at both macro (institutional, policy) and micro (businesses) levels.

PART III. RESEARCH CONTENTS AND RESULTS

CHAPTER 1. THEORETICAL AND PRACTICAL BASIS FOR REGIONAL CONNECTIVITY IN TOURISM DEVELOPMENT

1.1. Regions and regional connectivity in tourism development

1.1.1. The concept of Region

Based on the literature review, the author's view is that: *Region is a part of the*

national territory, organized into local administrative units (provinces, cities) or inter-localities with a system of economic sectors operating within the institutional, legal frameworks and have interplay relationships through cooperation and exchange of resources, products, goods and services between regions. Thus, as for subject, purpose and scope of the study, region can be defined in different ways, which can be limited to one locality or also as many localities in a socio-economic region of a country.

1.1.2. Concept of tourist area

Based on the concepts and views of tourist areas given in previous documents, within the scope of this thesis research, the concept of tourist area is defined as: *a part of the national territory, including a province or several provinces and cities, constituted by tourist attractions and tourist centers with high specialization in tourism, with natural conditions, cultural characteristics and tourism resources sharing several characteristics, creating unique tourism products of the region compared to other tourist areas*.

To agree on the scopes of the doctoral thesis research, the author approaches the "Tourism Zone" as delineated by the Government of Vietnam in the document of the Master Plan for Vietnam Tourism Development up to 2020, with a vision to 2030. Accordingly, when studying regional connectivity in tourism development in Quang Binh province, the internal region will be identified as the North Central Vietnam region, including 6 provinces (Thanh Hoa, Nghe An, Ha Tinh, Quang Binh, Quang Tri and Thua Thien Hue); external areas can be localities in the remaining 6 tourist areas or countries outside the territory of Vietnam.

1.1.3. The concept of regional connectivity

The author's point of view is that *regional connectivity is the process of cooperation and affiliation between a locality and one or other localities in the same socio-economic region or tourism area (intra-regional connection) or outside the socio-economic zone/tourist area (external connection), organized by state actors (between central, local governments) or private actors (between businesses and organizations) in order to form a common economic space in the direction of resource concentration or specialization of production that benefits the parties to the affiliation process.*

1.1.4. Regional connectivity in tourism development

The concept of regional connectivity in tourism development has a very broad content, depending on the purpose and object of study, the concept of regional connectivity in tourism development can be understood and described in different angles and scopes. Within the research scope of the doctoral thesis topic, regional connectivity in tourism development is understood as: *one of the regional connectivity activities in general socio-economic development, is the process of cooperation and connection among stakeholders (local authorities, businesses, organizations, individuals, etc.) of a locality with one or other localities in the same tourist area or outside the tourist area to boost promotion of tourism products; development of tours and tourist routes; attracting investment; human resource training, etc., contributes to the effective exploitation of resources that are the advantages of each locality, each region and bring benefits to the participants.*

Accordingly, the thesis research content is limited to focusing on analyzing and evaluating regional connectivity activities in tourism development between Quang Binh province and one or other localities in the same tourist area or outside the tourism area

maimly in the territory of Vietnam. Particularly, international connection activities (if any) are only generally assessed to clarify the panorama of regional connectivity in Quang Binh province's tourism development.

1.2. Some theories related to regional connectivity in tourism development

1.2.1. Theory of absolute advantage and comparative advantage

Although the terms regional connection or territorial connection are not mentioned in the theory of absolute advantage (Smith's) and comparative advantage (Ricardo's), both theories emphasize the division of labor by region/territory and the specialization of production. These are very important premises and foundations for the development of regional theories and later, regional connectivity. Identifying the absolute and comparative advantages of each locality in the region to enhance connectivity in tourism development is an opportunity for localities and regions to effectively exploit each other's resources, contributing to promoting the development of tours with specific attractiveness and characteristics of each locality and each region instead of conflict, competition.

1.2.2. Growth poles theory

The growth poles theory was first introduced by Perroux (1950) and was later developed by Hirschmann (1958) and Friedmann (1966). The focus of this theory is that economic growth is not uniform over an entire region, but take place around a specific pole (or cluster). According to this theory, there simultaneously exists the centripetality of the flows of productive resources to the pole, and the centrifugal of the flows of money, information, scientific and technological advances, etc. from the poles to the surrounding areas. However, the attraction of elements to a development pole is often easier and seems an inevitable trend, which after a while leads to a larger development gap within the region, or between one region and another.

1.2.3. Social network theory

Approach to social network theories and social network analysis methods for studying collaboration among stakeholders in the tourism sector has also gained attention since the 1960s. According to Fyall and Garrod (2005), the network perspective is used to study the cooperative relationship between parties in the context of the tourism industry, referring to cooperative activities in tourism such as information sharing, product development, product marketing and promotion, visitor management, training and employment counseling.

1.3. Contents and forms of regional connectivity in tourism development

1.3.1. Contents of regional connectivity in tourism development

Within the scope of the thesis research, regional connectivity in sustainable tourism development includes 04 main contents as follows: 1) Development and diversification of tourism products; 2) Tourism promotion; 3) Traffic connection for tourism; 4) Tourism labor force training.

1.3.2. Forms of regional connectivity in tourism development

Regional connectivity in tourism development is manifested in the following 2 main forms:

Voluntary regional connectivity: The main actor of this type of association is tourism businesses. In addition, links between localities in the region or between the locality of one region and the locality of another region shall be made by the local government, the tourism department.

Regional connection according to the hierarchical governance relationship between the central and local governments: This is a connection form with administrative orders (mandatory) and the main actors are the upper - lower hierarchical management levels

(vertical links). Regional connectivity in this form is carried out based on the decentralization mechanism of socio-economic regional management.

1.4. Perspectives on regional connectivity in sustainable tourism development

1.4.1. The concept of sustainable tourism development

The author's view is that sustainable tourism development is one of the contents of sustainable development, which is development based on 03 main pillars, including: economy, society and environment. In which, economic sustainability is the basic criterion, as the foundation for achieving the goal of cultural, social and environmental sustainability. In the field of tourism, the principle of optimal use of environmental resources and ensuring the integrity of communities' socio-cultural values are indispensable requirements when realizing the goal of sustainable tourism development.

1.4.2. The relationship between regional connectivity and sustainable tourism development

In the author's opinion, regional connectivity and tourism development are very closely interconnected, mutual and complementary. Regional connectivity is the basis that creates an important premise to realize the goal of sustainable tourism development. In contrast, sustainable tourism development is considered as the goal and expected results that stakeholders (state management agencies, businesses, tourism organizations) aim to achieve when implementing regional cooperation and linkages.

1.4.3. Contents of regional connectivity in sustainable tourism development

Regional connection in sustainable tourism development is one of the action solutions to achieve the goal of sustainable tourism development, which is the transformation of the tourism industry to a new stage of development, the stage of in-depth development towards economic, sociocultural and environmental sustainability. Regarding economic, that is to improve the efficiency of resource use among the parties participating in regional connectivity cooperation. In terms of culture and society, that is to preserve the traditional cultural values of the locality, creating a spillover effect to all sectors of society. In terms of environmental resources, that is to limit impacts and over-interfere with natural environmental resources.

1.4.4. The inevitability of regional connectivity in sustainable tourism development

Regional connectivity is an inevitable rule of development. As borders between countries become more open and merely physical barriers, cross-border cooperation in tourism is an inevitable tendency.

For Vietnam, regional connectivity helps localities cooperate in developing specific and unique tourism products, limiting duplication of products. Cooperation and affiliation create a larger business scale and a broader market.

Regional connectivity in tourism development demonstrates the objective conformity with the characteristics and properties of tourism products as well as the needs of tourists. Strengthening regional connectivity is considered a key solution to form tourism clusters among localities in the region.

1.5. Factors affecting regional connectivity in sustainable tourism development

There have been various domestic and foreign studies showing the factors affecting regional connectivity in tourism development, including both positive factors and many negative factors which are barriers to regional cooperation and affiliation. Based on the

results of the literature review, the following main groups of factors are generalized: 1) Group of policy factors; 2) The group of natural conditions factors in resources distribution; 3) The group of internal factors and the level of the affiliation actors; 4) Security and safety issues of tourist destinations.

1.6. Regional connection reality in tourism development in some countries in the world and Vietnam

Basing on various reference sources, within the scope of this research, the author briefly introduces some regional connectivity cooperation models in tourism development in some regions and countries around the world and some localities in Vietnam. The cooperation models introduced in this thesis are associated with the content of the thesis research, which can serve as lessons learnt for the implementation of regional connection programs in tourism development in the study area of Quang Binh province, notably the linkage model in tourism marketing activities between Greece and Turkey; cross-border connection between Finland and Sweden; linkage model between 03 localities Thua Thien Hue, Da Nang and Quang Nam; Cooperation to exploit different tourism advantages between Khanh Hoa and Lam Dong provinces; Cooperation between tour operators, transport and destination businesses in Vietnam.

CHAPTER 2. LOCAL CHARACTERISTICS AND RESEARCH METHODS

2.1. Characteristics of the study area

Quang Binh is one of the six provinces located in the North Central region of Vietnam, located in an area with a tropical monsoon climate. The rainy season is often long and the occurrence of cold spells, storms and floods has negatively affected the tourism industry.

Quang Binh has a total natural land area of 800,000 hectares (in 2019), of which most of it is hilly land, accounting for 86.96% of the total natural land area. The average population of Quang Binh province in 2019 is 896.60 thousand people; The labor force aged 15 and over working in economic sectors is 510,643 people, of which the non-state economic sector accounts for 88.25%, the foreign invested sector accounts for about 0.26%. The rate of trained workers with degrees and certificates from primary vocational training and above reaches 24.9%.

Gross regional domestic product (GRDP) in 2019 at current prices reached VND 39,155.4 billion, an increase of 7.34% compared to 2018 (at 2010 constant prices); GRDP per capita was VND 43.67 million. GRDP of the agriculture, forestry and fishery sector accounts for 19.41%; industry - construction accounted for 24.51%; services accounted for 54.46%; product tax minus product subsidies accounted for 3.56%.

2.2. Research approach and analytical framework

2.2.1. Research approach

Research on regional connectivity in tourism development is approached from a systematic and comprehensive perspective, in the dialectical relationship between quantity and quality, between short-term and long-term, between theory and practice.

2.2.2. Analytical framework

Basing on the theoretical basis presented in Chapter 1 and the research approach, the author proposes a framework to analyze (study) regional connectivity in tourism development in Quang Binh province towards sustainability. This research framework

describes and explains logically the interdependencies, interactions and mutual regulations between the components (concepts, variables) of the research content.

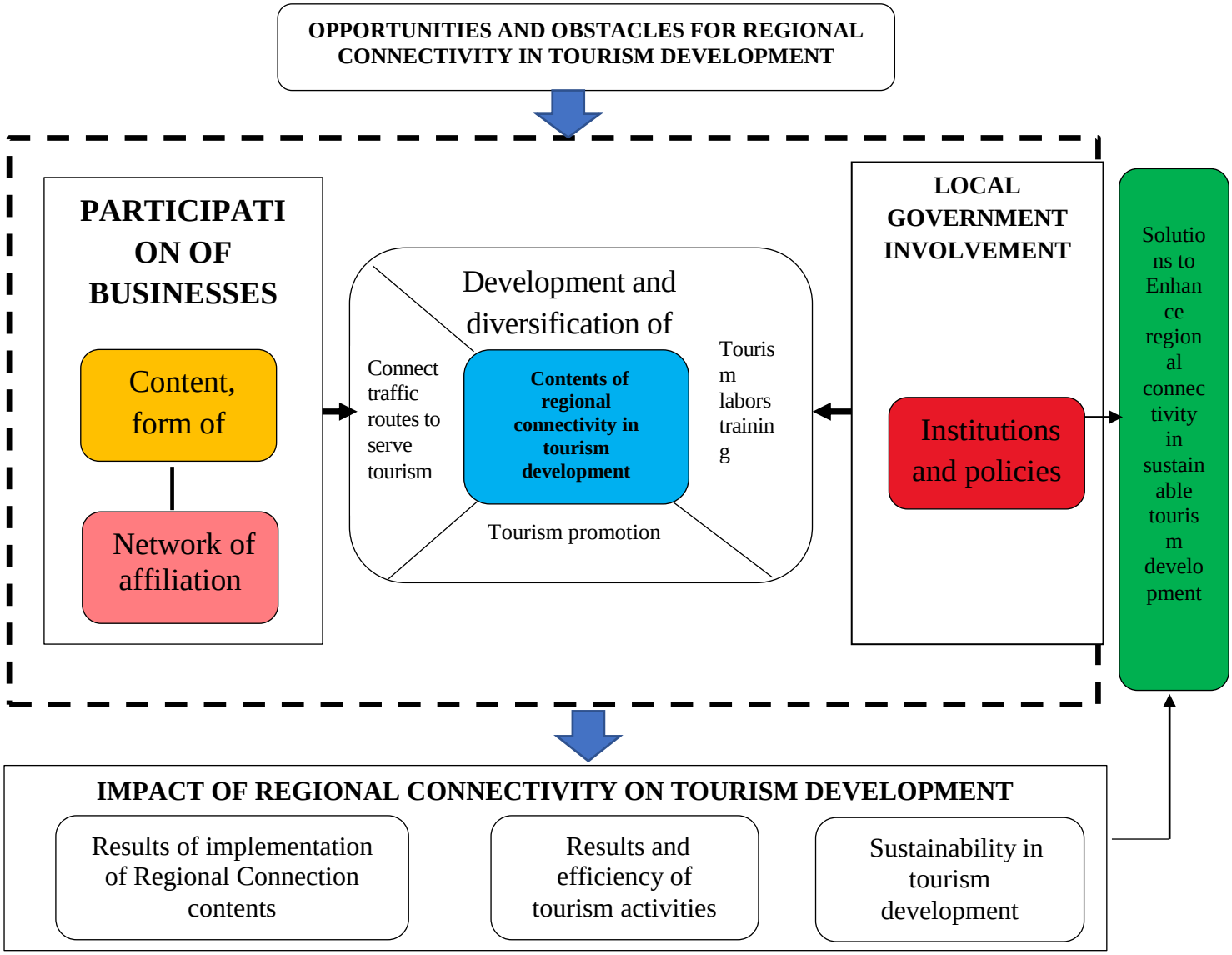

(Source: proposed by the author)

Figure 2.2. Analytical framework for regional connectivity in tourism development in Quang Binh province towards sustainability

The focus is on an intra-regional level (provinces in the north central region of Vietnam) + external (other provinces or regions), on 4 core contents (NT), etc. The thesis focuses on analyzing the participation of two actors, including Governement management agency (orienting role: orientations, policies, viewpoints, promotional activities, affiliation, etc.) and Businesses (fundamental actors of the affiliation) between the businessess in the province and outside the province -> impacts on implementation results, effectiveness, sustainability. From being aware of opportunities and barriers -> propose solutions.

2.3. Research procedure

On the basis of the analytical framework and the set research objectives, the author builds a research process for the doctoral thesis, including 6 steps: 1) Identify the research problem; 2) Review literature; 3) Synthesize relevant theories and develop research analysis

framework; 4) Collect data for research analysis; 5) Synthesize and process data; 6) Write a report on the thesis research results.

2.4. Research Methods

2.4.1. Qualitative research

The used qualitative research methods included synthesizing and analyzing qualitative data; and in-depth interview method.

2.4.2. Quantitative research

Quantitative research methods used in this study includes the following: Data collection method; Methods of synthesizing, processing and analyzing data; and analytical methods (including descriptive statistics method; time series method; social network analysis method)

In terms of data collection method, in addition to the collected secondary data, the author selects 05 subjects for interview survey based on a pre-designed questionnaire, including: 1) travel businesses; 2) accommodation service businesses; 3) transport businesses; 4) restaurants and 5) training institutions, of which the results of 117 valid survey samples (questionnaires) were included in the analysis. In addition, the study conducted an interview survey of visitors to Quang Binh, of which 300 valid questionnaires were collected.

2.5. Research target system

In order to achieve the research objectives, this thesis uses 05 groups of different research criteria, including: 1) The group of indicators reflecting the scale and level of development of the tourism industry; 2) A group of indicators reflecting the growth of the tourism industry; 3) A group of indicators reflecting the current situation of connecting tourism development regions; 4) Group of indicators measuring the degree of linkage between stakeholders in the tourism network; 5) Group of indicators reflecting sustainability in tourism development.

CHAPTER 3. THE SITUATION OF REGIONAL CONNECTIVITY IN TOURISM DEVELOPMENT IN QUANG BINH PROVINCE IN A SUSTAINABLE WAY

3.1. Overview of tourist areas in Vietnam

The difference in conditions of tourism resources, infrastructure systems and resources of each locality leads to a large difference in tourism development in Vietnam in terms of the ability to attract tourists between regions, localities. The Red River Delta, the Northeast Coast and the Southeast region lead in the number of visitors, in which Hanoi (Red river delta and Northeast coast) and Ho Chi Minh City (Southeast region) are the two major tourist centers of the region as well as the whole country.

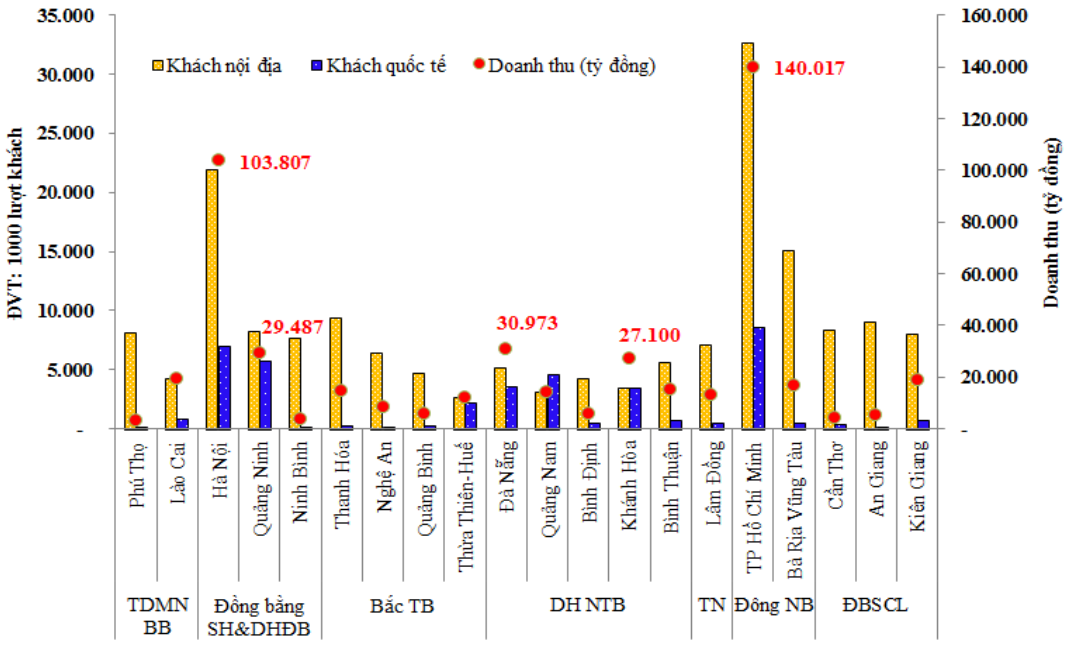

Note: Domestic visitors; International visitors; Recenue (trillion VND)
(Source: Compiled from reports by local tourism department)

Figure 3.1. Number of visitors and tourism revenue of some key localities of tourist areas in Vietnam in 2019

The Southeast region achieved the highest tourism revenue in the country in the year of 2019, reaching VND 161.2 trillion; followed by the Red River Delta and Northeast Coast with VND 147 trillion; ranked third is the South Central Coast region (VND 97 trillion). Ranked in fifth place is the North Central region, with a total tourism revenue of over VND 48 trillion, accounting for 9.44% of the country's total tourism revenue.

3.2. Overview of the tourism development in Quang Binh province

3.2.1. Resources and comparative advantages in tourism development

The comparative advantages in tourism of Quang Binh province compared to other localities include "World's natural cultural heritage of PNKB national park" ; Next is “Sea tourism, especially beach resort”. In addition, "geographical location" is also an advantage of Quang Binh province, located at the "front" area of Vietnam, overlooking the East Sea, Quang Binh has a favorable geographical position, which has strategic significance in terms of connectivity tourism between North - South, East - West; has close relations with Laos, Northeast Thailand and Myanmar.

3.2.2. Number of visitors and tourism revenue

In the period 2017 - 2019, the number of tourists to Quang Binh increased rapidly over the years, including both domestic and international visitors. In 2019, the total number of tourists to Quang Binh was 5 million, an increase of 51.52% compared to 2017, of which the number of international visitors reached 270 (an increase of 2.7 times compared to the year 2017). Tourists to Quang Binh are still mainly domestic, the proportion of international visitors is still quite small.

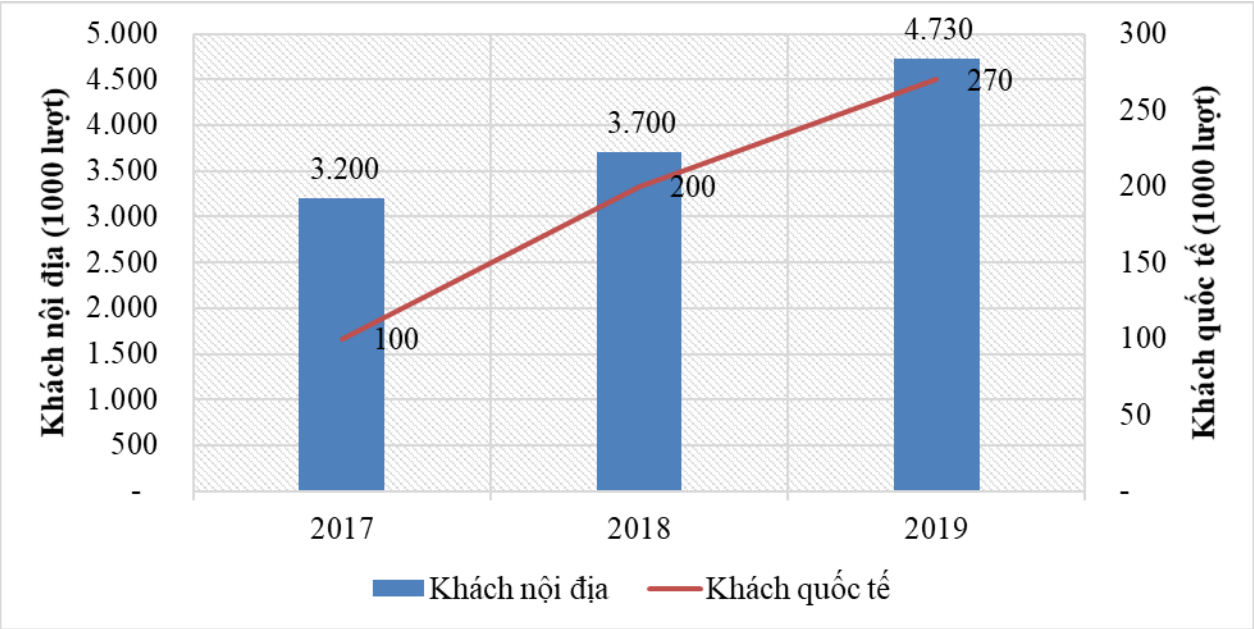

Note: Domestic visitors, International visitors

(Source: Compiled from the report of Quang Binh Department of Tourism)

Figure 3.2. The number of tourists to Quang Binh in the period 2017 - 2019

Total social benefits from tourism of Quang Binh province in 2019 reached over VND 5.7 trillion, of which revenue from food services accounted for 70.25% (equivalent to VND 4.04 trillion); revenue from accommodation services reached about VND 326 billion (accounting for 5.7%); and other services (including tourist transport, sightseeing fees, other service fees,...) reached VND 1.4 trillion, accounting for 24.08% .

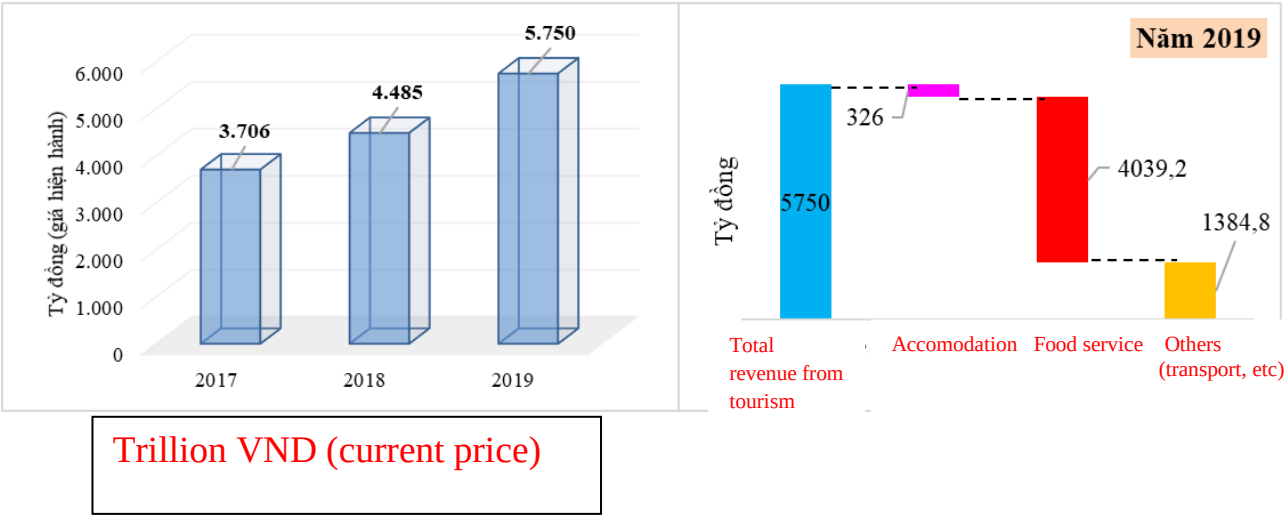

Trillion VND (current price)

(Source: Compiled from the report by Quang Binh Department of Tourism and Quang Binh Province Statistical Yearbook)

Figure 3.5. Total revenue from tourism of Quang Binh province

3.3. Regionsal connectivity in Quang Binh province's tourism development

3.3.1. The local government's policy on cooperation to connect regions in tourism development

The policy of bilateral and multilateral cooperation to connect tourism areas has been included in important policy documents of Quang Binh province and the central Government, such as: Tourism development master plan in Quang Binh province to 2020 and a vision to 2025 clearly stated the goal of developing inter-local and inter-regional tourist routes; The master plan for development of Phong Nha - Ke Bang National Tourist Area, Quang Binh province to 2030 has oriented the development of tourist routes and affiliation solutions in tourism development.

3.3.2. Coordination mechanism for regional connectivity in tourism development in Quang Binh province

Regional connectivity activities in tourism development in Quang Binh province as well as other localities in the North Central region and the South Central Coast have not yet established a mandatory affiliation mechanism coordinated by the Regional Council directed by the Government or ministries, sectors. Instead, the affiliation and cooperation between localities in the region are voluntary and established thanks to the initiative of local leaders in the region with the establishment of a Tourism Development Coordination Board, of which each locality is rotated as the leader of the cooperation team. However, the Coordinating Committee is not an institution of the state organization system, not an organization recognized by the State in tourism development.

3.3.3. Analysis of regional connectivity content in Quang Binh province's tourism development

3.3.3.1. Regional connectivity in tourism promotion

Tourism promotion is one of the contents that the tourism industry in Quang Binh province is particularly interested in when participating in regional connectivity cooperation activities, which mainly focuses on promoting and introducing tourism products through signing many cooperation documents associated with various provinces in the North Central region, some neighboring provinces in the South Central Coast region and some localities in the Red River Delta and Northeast Coast (typically Hanoi).

3.3.2.2. Regional connectivity in tourism products development and diversification

Quang Binh has promoted regional connectivity activities in tourism products development, such as: *"Central Heritage Road"* connecting the most prominent heritages of 03 provinces of Quang Binh – Thua Thien Hue – Quang Nam; connections with Quang Tri and Thua Thien Hue to build common characteristic products of Binh - Tri - Thien area with the themes: *"Central Heritage Road"*, *"Nostalgia for ancient battlefields"*, *"Legendary Ho Chi Minh Road"*; and connections with north central provinces such as Ha Tinh, Nghe An and Thanh Hoa to built the product *"Ecological, cultural and spiritual path of the North Central associated with responsible and sustainable tourism"*.

Table 3.4. Some inter-local tourism products in the North Central region and South Central Coast

Local, regional, national affiliation	Interlocal tourism products
▪ Quang Binh – Thua Thien Hue – Quang Nam ▪ Quang Binh – Quang Tri – Thua Thien Hue	• Central Heritage Road
▪ Quang Binh – Quang Tri – Thua Thien Hue	• Nostalgia for the old battlefields • Legendary Ho Chi Minh Road
▪ Thanh Hoa - Nghe An - Ha Tinh - Quang Binh - Quang Tri -Thua Thien Hue	• The ecological, spiritual, cultural path of the North central region associated with responsible and sustainable tourism.
▪ Quang Binh – Thai Nguyen	• From the windy capital to the General's Homeland

(Source: Quang Binh Department of Tourism)

Weaknesses in the affiliation between Quang Binh province with other localities in the region and outside the region to develop tourism products are evaluated by businesses and managers as: not yet building a brand of shared tourism products, leading to the fact that the organization of promotion and introduction of tourism products can not create a spillover effect to tourists; Duplication of products between localities is very common; tourism products in PNKB National Park in Quang Binh province have low capacity and some tourism products are very picky, creating limitations in affiliation; the products in the affiliation chain have not contributed much to the growth of tourists and tourism revenue.

3.3.2.3. Development of the interregional transport system for tourism

Quang Binh tourism has promoted regional and inter-local cooperation activities to establish important transport routes for transporting tourists from traditional markets, including road, sea, rail and especially aviation. Up to now, Dong Hoi – Quang Binh airport has 4 routes connecting with 4 major tourist centers, including Ho Chi Minh City, Hanoi, Hai Phong and Chiang Mai of Thailand. Besides, National Highway 12A connecting National Highway 1A (the section through Ba Don town) to Cha Lo border gate on the Vietnam - Laos border is being upgraded to attract tourists from Laos and from the Northeastern provinces of Thailand and Myanmar to Quang Binh.

The overall assessment shows that the transportation system connecting Quang Binh with other regions and tourist centers has not met the travel needs of tourists. The infrastructure of the seaport system is in a state of underdevelopment; regional connectivity based on the rail transport system has not been effectively promoted. Compared to other tourist centers in central coast provinces such as Da Nang, Thua Thien Hue, Nha Trang, Quang Binh' ability to connect traffic by air to serve tourists is still low.

3.3.2.4. Regional connectivity in tourism human resource training and development

The survey results show that the affiliation in tourism human resource training is mainly carried out in large-scale businesses, which are international travel agencies and

accommodation establishments of 3-star or higher standards. Meanwhile, many small-scale tourism businesses have not paid yet attention to their human resource training activities, due to their resource limitations on the one hand and their human resources instability on the other hand.

In terms of state management, Quang Binh province has not had a strategic orientation to connect training institutions with tourism organizations and businesses in human resource training, especially the regional cooperation policy in human resource training has not been focused. The training institutions in Quang Binh province have not met the training quality demands, leading to the need for cooperation and linkage in tourism human resource training between Quang Binh businesses and training institutions is still very limited.

3.3.3. Current situation of connectivity between businesses and other stakeholders in Quang Binh province's tourism development

3.3.3.1 Situation of affiliation between tourism service businesses in Quang Binh province

3.3. Regionsal connectivity in Quang Binh province's tourism development

3.3.1. The local government's policy on cooperation to connect regions in tourism development

The policy of bilateral and multilateral cooperation to connect tourism areas has been included in important policy documents of Quang Binh province and the central Government, such as: Tourism development master plan in Quang Binh province to 2020 and a vision to 2025 clearly stated the goal of developing inter-local and inter-regional tourist routes; The master plan for development of Phong Nha - Ke Bang National Tourist Area, Quang Binh province to 2030 has oriented the development of tourist routes and affiliation solutions in tourism development.

3.3.2. Coordination mechanism for regional connectivity in tourism development in Quang Binh province

Regional connectivity activities in tourism development in Quang Binh province as well as other localities in the North Central region and the South Central Coast have not yet established a mandatory affiliation mechanism coordinated by the Regional Council directed by the Government or ministries, sectors. Instead, the affiliation and cooperation between localities in the region are voluntary and established thanks to the initiative of local leaders in the region with the establishment of a Tourism Development Coordination Board, of which each locality is rotated as the leader of the cooperation team. However, the Coordinating Committee is not an institution of the state organization system, not an organization recognized by the State in tourism development.

3.3.3. Analysis of regional connectivity content in Quang Binh province's tourism development

3.3.3.1. Regional connectivity in tourism promotion

Tourism promotion is one of the contents that the tourism industry in Quang Binh province is particularly interested in when participating in regional connectivity cooperation

activities, which mainly focuses on promoting and introducing tourism products through signing many cooperation documents associated with various provinces in the North Central region, some neighboring provinces in the South Central Coast region and some localities in the Red River Delta and Northeast Coast (typically Hanoi).

3.3.2.2. Regional connectivity in tourism products development and diversification

Quang Binh has promoted regional connectivity activities in tourism products development, such as: *"Central Heritage Road"* connecting the most prominent heritages of 03 provinces of Quang Binh – Thua Thien Hue – Quang Nam; connections with Quang Tri and Thua Thien Hue to build common characteristic products of Binh - Tri - Thien area with the themes: *"Central Heritage Road"*, *"Nostalgia for ancient battlefields"*, *"Legendary Ho Chi Minh Road"*; and connections with north central provinces such as Ha Tinh, Nghe An and Thanh Hoa to built the product *"Ecological, cultural and spiritual path of the North Central associated with responsible and sustainable tourism"*.

Table 3. 4. Some inter-local tourism products in the North Central region and South Central Coast

Local, regional, national affiliation	Interlocal tourism products
▪ Quang Binh – Thua Thien Hue – Quang Nam ▪ Quang Binh – Quang Tri – Thua Thien Hue	• Central Heritage Road
▪ Quang Binh – Quang Tri – Thua Thien Hue	• Nostalgia for the old battlefields • Legendary Ho Chi Minh Road
▪ Thanh Hoa - Nghe An - Ha Tinh - Quang Binh - Quang Tri -Thua Thien Hue	• The ecological, spiritual, cultural path of the North central region associated with responsible and sustainable tourism.
▪ Quang Binh – Thai Nguyen	• From the windy capital to the General's Homeland

(Source: Quang Binh Department of Tourism)

Weaknesses in the affiliation between Quang Binh province with other localities in the region and outside the region to develop tourism products are evaluated by businesses and managers as: not yet building a brand of shared tourism products, leading to the fact that the organization of promotion and introduction of tourism products can not create a spillover effect to tourists; Duplication of products between localities is very common; tourism products in PNKB National Park in Quang Binh province have low capacity and some tourism products are very picky, creating limitations in affiliation; the products in the affiliation chain have not contributed much to the growth of tourists and tourism revenue.

3.3.2.3. Development of the interregional transport system for tourism

Quang Binh tourism has promoted regional and inter-local cooperation activities to establish important transport routes for transporting tourists from traditional markets,

including road, sea, rail and especially aviation. Up to now, Dong Hoi – Quang Binh airport has 4 routes connecting with 4 major tourist centers, including Ho Chi Minh City, Hanoi, Hai Phong and Chiang Mai of Thailand. Besides, National Highway 12A connecting National Highway 1A (the section through Ba Don town) to Cha Lo border gate on the Vietnam - Laos border is being upgraded to attract tourists from Laos and from the Northeastern provinces of Thailand and Myanmar to Quang Binh.

The overall assessment shows that the transportation system connecting Quang Binh with other regions and tourist centers has not met the travel needs of tourists. The infrastructure of the seaport system is in a state of underdevelopment; regional connectivity based on the rail transport system has not been effectively promoted. Compared to other tourist centers in central coast provinces such as Da Nang, Thua Thien Hue, Nha Trang, Quang Binh' ability to connect traffic by air to serve tourists is still low.

3.3.2.4. Regional connectivity in tourism human resource training and development

The survey results show that the affiliation in tourism human resource training is mainly carried out in large-scale businesses, which are international travel agencies and accommodation establishments of 3-star or higher standards. Meanwhile, many small-scale tourism businesses have not paid yet attention to their human resource training activities, due to their resource limitations on the one hand and their human resources instability on the other hand.

In terms of state management, Quang Binh province has not had a strategic orientation to connect training institutions with tourism organizations and businesses in human resource training, especially the regional cooperation policy in human resource training has not been focused. The training institutions in Quang Binh province have not met the training quality demands, leading to the need for cooperation and linkage in tourism human resource training between Quang Binh businesses and training institutions is still very limited.

3.3.3. Current situation of connectivity between businesses and other stakeholders in Quang Binh province's tourism development

3.3.3.1 Situation of affiliation between tourism service businesses in Quang Binh province

The survey results showed that about 72.45% of businesses did affiliate with partners. The proportion of businesses in tourism affiliates also varies, depending business types. For travel agencies, the proportion of businesses participating in association is 100%; while the rate in restaurant service businesses is 78% and accommodation service is 63.93%.

Medium-sized businesses have a much higher affiliate participation rate than small businesses (69.8% vs. 21.3%, respectively). Linkage in the development of tourism products and accompanying services are prioritized by businesses, with a participation rate of 90.2%; followed by linkage to carry out activities of promotion, marketing and

introduction of tourism products (about 37.5% of businesses) and the lowest is the linkage in human resource training (about 22% of businesses).

About 11% of businesses choose the solutions to participate in joint programs of the Department of Tourism and the Tourism Association of QuangBinh province; 25.05% of businesses choose to self-organize; and up to 63.6% of businesses combine both forms simultaneously.

3.3.3.2. Analysis of linkage networks among stakeholders in tourism development

The results of data processing by Ucinet software show that the structure of the tourism linkage network in Quang Binh province (including the internal linkage network and the overall linkage network) is quite loose and low.

Table 3.8. Indicators to measure the overall structure of the network

Measurement indicators	Quang Binh Province's Internal linkage	Quang Binh Province's External linkage
Total number of actors in the network (nodes)	119	132
Number of agents without linkage	27	27
Total number of ties	273	772
Average Degree	2,294	5,848
Density	0,019	0,045
Average Distance	3,348	2,419
SD Distance	1,122	0,749

(Source: 2019 survey data processed using Ucinet software)

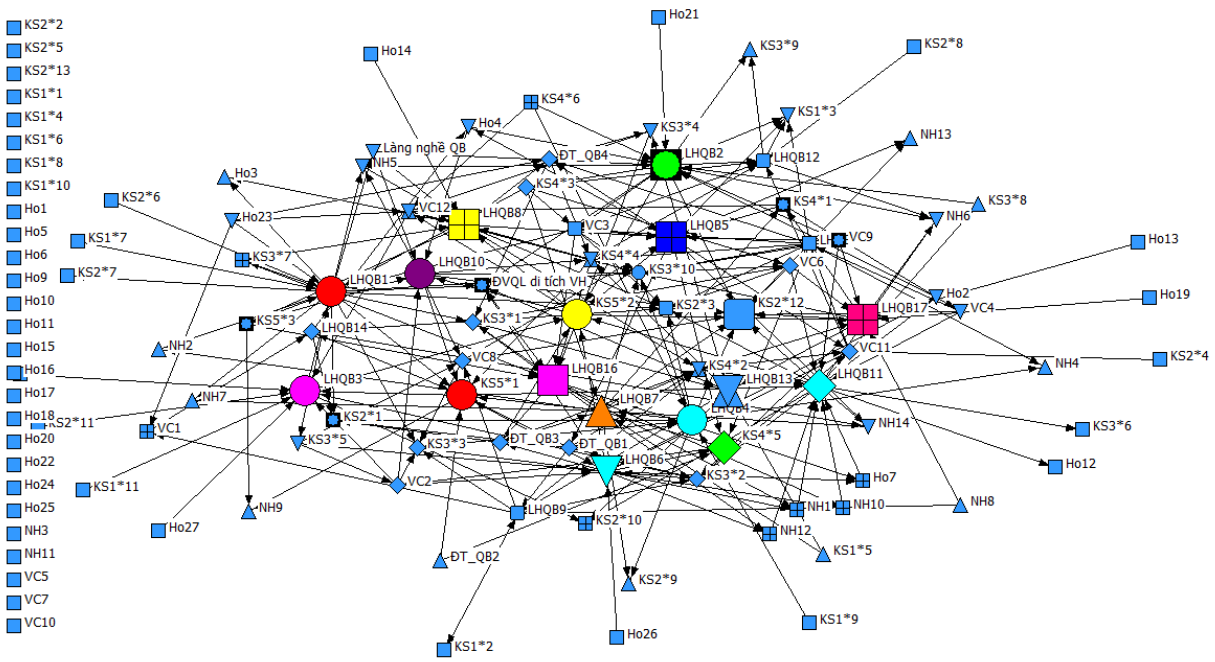

(Source: 2019 survey data processed using Ucinet software)

Figure 3.14. Diagram of the structure of the tourism linkage network inside Quang Binh province

Most travel businesses have various links with other stakeholders and are centrally distributed in the central area of the network. Accommodation and transportation service businesses also have a close connection with travel agencies, including mainly large-scale accommodation service businesses (mainly hotels from 4 to 5 stars), while 1 to 2-stars hotels and homestays have a very low level of connection and are distributed off the edge of the network. The location of related units such as training institutions, craft villages and management units of historical and cultural relics is located far from the center of the network, reflecting the level of connection between tourism businesses and these units in Quang Binh province is still quite unclear and not high.

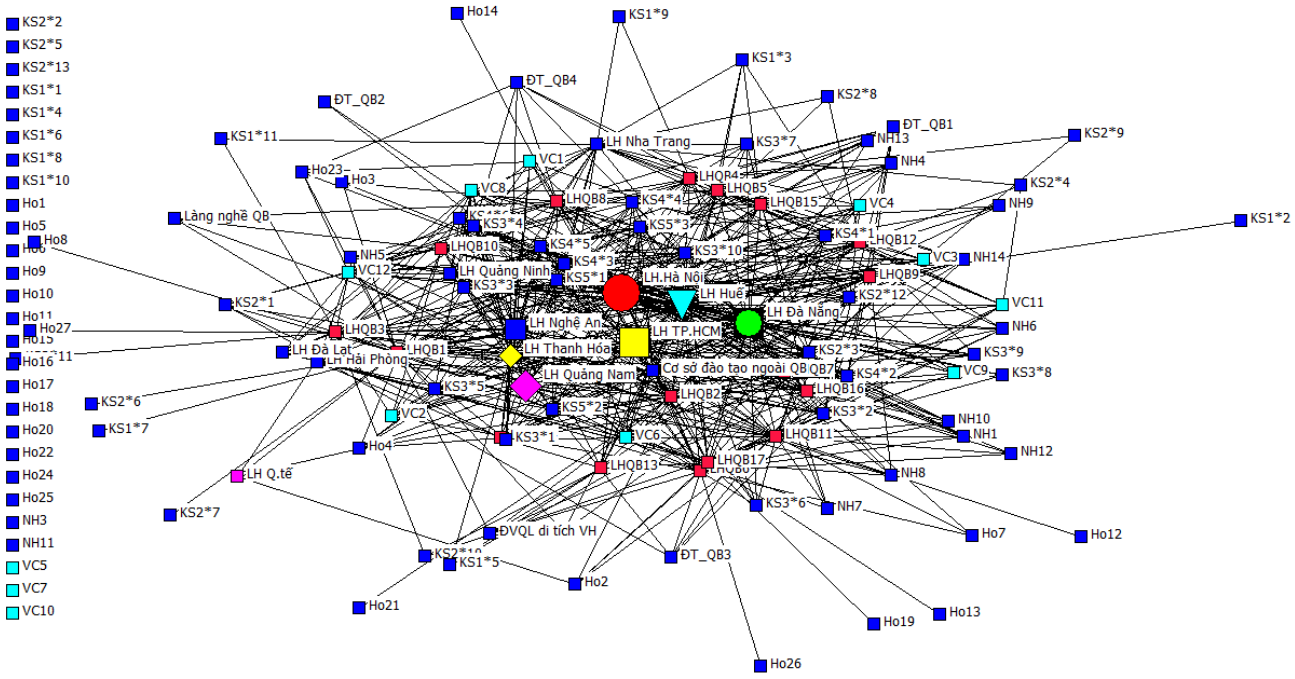

(Source: 2019 survey data processed using Ucinet software)

Figure 3.15. Overall diagram of stakeholder linkage network structure in tourism development in Quang Binh province

Travel agencies, homestays and training institutions in Quang Binh tend to create more external cooperation links other than with other actors. Although not highly appreciated regarding the intensity of links like travel businesses and other agents in the network, the system of training institutions and especially homestay services have actively sought partners for mutually beneficial cooperation.

Except for Quang Binh travel and international travel businesses, the rest of the travel agencies from other localities in the country have a higher number of outbound links than inbound links, that is, they actively create links instead of only receiving links from businesses in Quang Binh province. Travel businesses from Hue hold the No. 1 position in terms of the central coefficient, demonstrating the level of influence and creating the greatest spread to the entire Quang Binh tourism linkage network.

Table 3. 9. Indicators that measure the centrality of the tourism linkage network Quang Binh Province

Actors	Direct central coefficient		Difference between inbound and outbound links	Adjacent central coefficient		Central coefficient
	Outbound	Inbound		Outbound	Inbound	
Quang Binh travel	0,134	0,108	-0,026	0,311	0,315	0,018
5-star hotels in Quang Binh	0,114	0,132	0,018	0,314	0,322	0,007
4-star hotels in Quang Binh	0,069	0,090	0,022	0,305	0,315	0,004
3-star hotels in Quang Binh	0,029	0,077	0,048	0,292	0,312	0,001
2-star hotels in Quang Binh	0,007	0,023	0,016	0,225	0,240	0,000
1-star hotels in Quang Binh	0,004	0,006	0,002	0,209	0,203	0,000
Homestay in Quang Binh	0,007	0,006	-0,001	0,208	0,191	0,000
Restaurants in Quang Binh	0,013	0,032	0,019	0,256	0,283	0,000
Shipping Enterprise Quang Binh	0,039	0,055	0,015	0,264	0,270	0,001
Training institution Quang Binh	0,031	0,014	-0,017	0,267	0,238	0,000
Craft villages	0,015	0,023	0,008	0,265	0,277	0,000
Relics management unit	0,031	0,038	0,007	0,263	0,287	0,001
International travel	0,038	0,046	0,008	0,273	0,280	0,002
Hanoi Travel	0,527	0,290	-0,237	0,357	0,339	0,085
Quang Ninh Travel	0,069	0,069	0,000	0,290	0,304	0,003
Hai Phong Travel	0,061	0,038	-0,023	0,284	0,284	0,002
Thanh Hoa Travel	0,214	0,061	-0,153	0,321	0,294	0,013
Nghe An Travel	0,130	0,099	-0,031	0,305	0,313	0,007
Hue Travel	0,443	0,427	-0,016	0,347	0,366	0,126
Da Nang Travel	0,466	0,252	-0,214	0,350	0,336	0,055
Quang Nam Travel	0,176	0,107	-0,069	0,313	0,312	0,009
Nha Trang Travel	0,168	0,046	-0,122	0,309	0,278	0,016
Dalat Travel	0,076	0,038	-0,038	0,289	0,283	0,001
Ho Chi Minh City Travel	0,252	0,221	-0,031	0,329	0,333	0,029
Non-Quang Binh training facilities	0,145	0,244	0,099	0,313	0,340	0,028

(Source: 2019 survey data processed using Ucinet software)

3.4. Assessment of the impact of regional connectivity on the performance of tourism businesses

The evaluation opinions of businesses noted a number of benefits when participating in regional connectivity activities, which is to help businesses to have the opportunity to share knowledge, exchange information and resources to do business. Participating in regional connection activities helped businesses save costs on marketing and promotion of tourism products.

However, joint venture activities in investment, in human resource training and product and service development or strategic affiliation and joint ventures have not been implemented in a instensive and widespread manner. On the other hand, the scope of impact of regional connectivity is quite narrow, limited to the field of travel service. Many businesses operating in the field of accommodation, food service, and passenger transportation have not benefited from regional connectivity. The direct reason for this is that the level of affiliation participation of these businesses is not high, especially small-scale businesses.

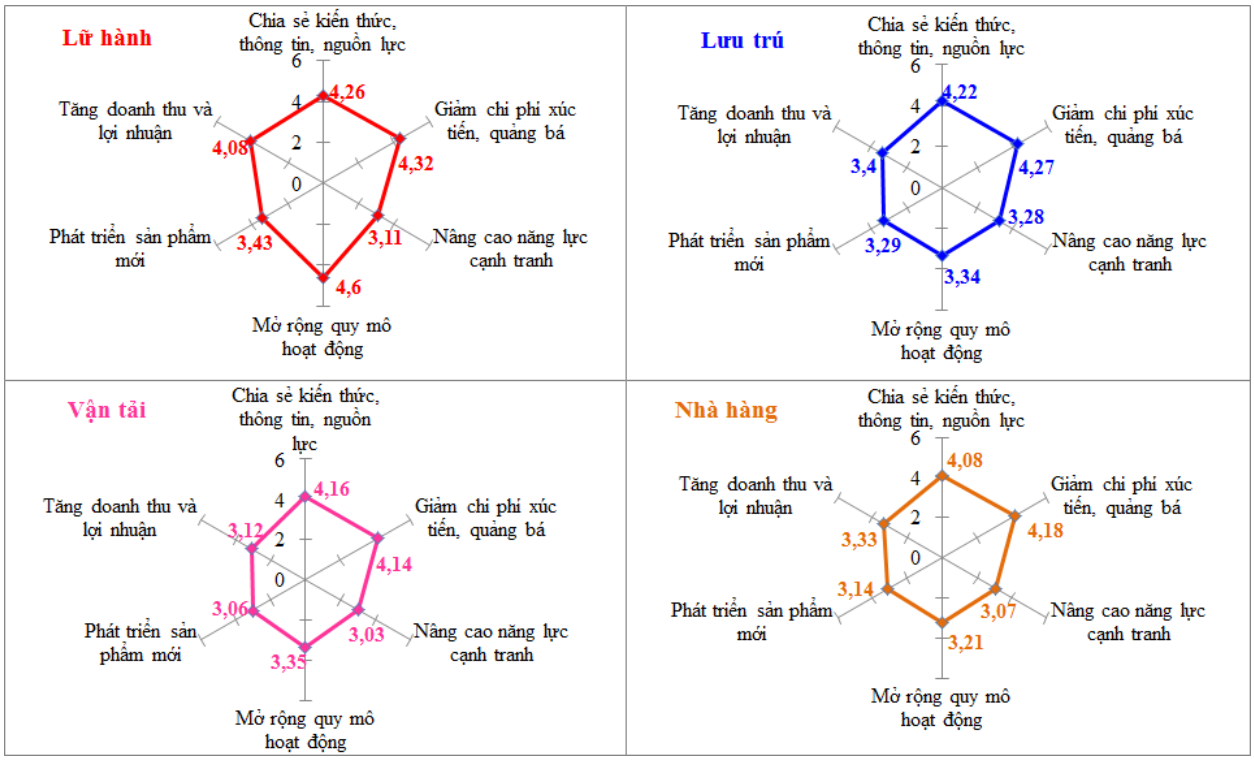

(Source: Business survey data)

Figure 3.11. Businesses's evaluation on the impact of regional connectivity on the efficiency of tourism service business in Quang Binh province

3.5. Sustainability assessment in tourism development in Quang Binh province

In terms of economic: Although the service sector accounted for 54.46% of the province's GRDP in 2019 at current prices and achieved a high growth rate for many years, the level of contribution of the tourism industry to the GRDP of Quang Binh province is still low.

In terms of society: The impact of the tourism industry on a part of the population in rural Quang Binh has become clear, bringing many practical benefits and contributing to local poverty reduction efforts,which can be evidenced by the development of community tourism model in the buffer zone of PNKB national park. However, the development of community-based tourism has increased the cost of living; the risk of division in the community due to competition and duplication of ideas about how to do community tourism. Opportunities for the poor to participate in this type of tourism are still limited, largely because the scale of community tourism business is not large enough, the education and understanding of the majority of people in rural areas are quite limited.

Regarding environment: The number of tourist attractions, as well as the density of tourist accommodation and catering establishments in Quang Binh province is not high as a result the negative impact of tourism activities on the environment has not occurred on a large scale. The most current critical issue is that tourism products in the PNKB national park area are mostly in the group of mass tourism products, low capacity, which leads to overcrowding during the peak season, affecting the ecological environment of the PNKB World Natural Heritage Site.

3.6. Analysis of opportunities and barriers to regional connectivity in tourism development in Quang Binh province

3.6.1. Opportunities

The global tourism demand is always on increasing tendence and international tourists shifting from the European region to the Asia-Pacific region is a clear and irreversible trend. Particularly, Southeast Asia is the area with the largest tourism growth in the Asia-Pacific region. On the other hand, tourism is contributing to Vietnam economic growth.

Quang Binh is located in the center of the North Central tourism region and close to the South Central Coastal region – the areas with high growth rates in terms of quantity of visitors and tourism revenue for many years in a row.

Many tourism development policies of Vietnam Government have created an important legal framework for Quang Binh province to promote tourism development in close linkage with other localities.

3.6.2. Barriers to regional connectivity in Quang Binh province's tourism development

The seasonality in tourism development is a huge obstacle to promoting regional connectivity in Quang Binh province's tourism development. The infrastructure is out of sync, financial resource is limited, the cohesion between the preservation of cultural values, the restoration and development of traditional craft villages with tourism development, between tourism and the agricultural sector, the travel businesses are lacking and has not yet shown its role as a bridge between supply and demand in Quang Binh province's tourism market; dependence and dominated by travel agencies from tourism centers outside the province are barriers to regional connectivity in tourism development.

CHƯƠNG 4: SOLUTIONS TO ENHANCE REGIONAL CONNECTIVITY IN QUANG BINH PROVINCE TOURISM DEVELOPMENT

From the regional connectivity situation in tourism development of Quang Binh province, which has been analyzed and explained in chapter 3, the thesis has clearly stated the views, objectives and orientations of regional connectivity in tourism development in Quang Binh province, as a basis for proposing solutions to enhance the connection of the tourism development region of Quang Binh province, which are summarized as follows:

4.2.1. Solutions to renew regional connectivity mechanisms and policies

It is necessary to establish a dialogue channel between leaders of Quang Binh province and localities participating in connection cooperation and relevant functional ministries to unify awareness, thereby obtaining voluntary consensus of affiliated entities.

To establish a common tourism database throughout the region or between localities participating in afiliations with Quang Binh province to serve the purpose of tourism

research and development, creating connectión with the tourism products and services of other localities in the region.

4.2.2. Solutions to advertise and promote tourism brands

To build and position Quang Binh tourism brand.early. Quang Binh People's Committee needs to concretize the cooperation mechanism between Quang Binh tourism businesses, associations and Quang Binh Department of Tourism in legal documents and policies in promoting and introducing tourism products.

The advertisement and promotion of Quang Binh tourism products needs to be identified as market groups that can aim to exploit and use Quang Binh tourism product packages. To speed up the establishment of the “Regional Tourism Promotion Fund" or in the linkage between Quang Binh and other localities with funding from mobilizing social resources (tourism businesses).

4.2.3. Solutions to strengthen the linkage of tourism products

Quang Binh tourism industry urgently positions the province's tourism brand to create tourism highlights and attractions for tourists as well as domestic and foreign businesses to link and design tours to Quang Binh.

It is necessary to speed up the development of 2 main tourism centers with local typical characteristics, including a tourism center in Phong Nha – Ke Bang National Park area and a marine tourism center (marine tourism in Dong Hoi city as the core). In addition, developing several important tourism products such as cultural, craft village, community tourism to form satellite tourism products, to reduce pressure on tourism products inPhong Nha – Ke Bang national park dủing the peak tourist season.

Develop an interregional and inter-sectoral integrated tourism development strategy, based on the core foundation, which are natural tourism resources (cave and sea systems) to effectively exploit local tourism resources, avoid duplication in the design of tourism products.

4.2.4. Solutions to complete the transport system connecting the regions in tourism development

To set up early more bus routes, stops inside Dong Hoi City, routes from Dong Hoi City to tourist destinations, railway station, Dong Hoi airport to create favorable travel conditions for tourists.

To strongly exploit the 4 established air routes as a basis to upgrade Dong Hoi airport into an international airport; To expand connections with other domestic airports in the direction of heritage tourism combined with leisure tourism in central Vietnam tourism project approved by the Government.

Priority is given to promoting the development of several water transport routes to serve tourists visiting tourist attractions to study history, explore the unique cultural values of each countryside along the rivers.

4.2.5. Regional connectivity solutions in tourism human resource training

To plan and orient investment in a system of key training and vocational training institutions, focus on improving training quality, avoiding expansion and spread in quantity, To focus on developing a number of training majors in the field of tourism at Quang Binh University on par with some key universities in the Central region such as Hue University, University of Danang.

To select some of the currently best vocational training institutions to plan the development of tourism labors training models according to business orders. To strengthen cooperation with localities to train tourism labors; To cooperate in training tour guides for unpopular language tourists (Korean, Chinese, Thai, etc.) in the north central Vietnam affiliation group.

4.2.6. Solutions to strengthen connections between travel businesses

Travel agencies in Quang Binh province need to be proactive in linking with UNESCO Travel Clubs in Hanoi and Ho Chi Minh City to establish sales alliances, build many programs to bring visitors to Quang Binh as well as share experiences in tour operation and management.

Quang Binh Tourism Association needs to create an intermediary bridge for travel businesses to have consensus in building typical local tourism products.

4.2.7. Solutions to connect regions in tourism development along with environmental protection

To connect with the localities with advantages in natural tourism resources to develop the "Green Tourism" product chain with the core of ecotourism. To strengthen connections among localities to improve the “carrying capacity” management ability for natural tourist areas and attractions, thereby to limit impacts on natural resources and environment. To promote interregional and inter-local coordination in climate change response activities, to add climate change as a criterion in the appraisal of tourism development projects.

PART IV. CONCLUSIONS AND RECOMMENDATIONS

1. Conclusions

The thesis research has filled the gaps left by previous researches; clearly defined the research content of regional connectivity between a locality with one or other localities in tourism development at the same tourist area (intraregional) or with another tourist area (other region); develop a conceptual framework and analysis framework for regional connectivity in Quang Binh province’s tourism development towards sustainability. The analytical framework in this study is seen as a new theoretical contribution of the thesis.

The state of regional connectivity in tourism development in Quang Binh province has been comprehensively discussed, analyzed, and evaluated on both macro and micro scales. The research results have shown the limitations and weaknesses of regional connectivity in Quang Binh province’s tourism development, specifically: the management

and exploitation of tourist destinations are still carried out according to the division of boundaries and administrative organizations in each locality; there has not been a linkage in the development and coordination of the whole region or between Quang Binh and the localities participating in the connectivity in development strategy, planning, investment, tourism development and tourism resource management.

Connecting and cooperating activities between Quang Binh and other localities and regions have not yet paid attention to the issue of sustainable tourism development. The level of connection between tourism businesses and stakeholders within Quang Binh province and even outside Quang Binh province is still low. Quang Binh travel businesses have not proved their central role in connecting actors outside Quang Binh province, but instead depending on and being dominated by travel agencies from major tourist centers in the country. There has been no connection between tourism businesses and stakeholders (traditional craft villages, historical and cultural relic management units, training institutions) in the province.

The thesis delved into the analysis of sustainability in Quang Binh province's tourism development on 3 aspects: economic, social, and environmental. Regarding economic, tourism is becoming an important economic sector for the economy of Quang Binh province to shift towards services. However, the tourism industry's impact on Quang Binh province's economic growth remains low. Regarding society, the tourism industry has created many jobs for local people; some community tourism products have begun to develop, creating more jobs for rural labors. However, local people have not benefited much from tourism development. Regarding environment, although the negative impact of tourism activities on the destinations' environment has not occurred on a large scale, tourism products in PNKB national park often face overcrowding during the peak season due to low capacity, affecting the ecological environment of the PNKB National Park World Natural Heritage Site.

The research results also show that Quang Binh has many great opportunities and potentials to promote regional connectivity in tourism development, namely geographical location, tourism resources, macro policies of the State. However, Quang Binh tourism industry has been facing major barriers and challenges in promoting affiliation activities, namely the high seasonality of tourism products; limited investment resources for the local tourism industry; travel agencies have not used their nuclear role in connections to the fullest.

Based on the research results, the thesis has provided point of views, goals, and orientations for regional connectivity in Quang Binh province's tourism development and proposed 7 solutions to enhance regional connectivity in tourism development in Quang Binh province in a sustainable way. The proposed 7 groups of solutions are also a new practical contribution of the thesis.

Although certain research results have been achieved, due to the wide scope of research content on regional connectivity in tourism development, along with the limitation

of time, resources and personal capacity, some research contents have remained unsolved, specifically: the study is only within the territory of Vietnam; The impact of regional connectivity on business performance has not been quantified by quantitative tools; The thesis has not been approached using the supply chain and the value chain of tourism products to analyze the benefits and costs for the actors involved in the affiliation chain. Hopefully, these are suggestive directions for future studies of the author, in particular and the researchers interested in the topic of regional connectivity in tourism development in general.

2. Recommendations

For the Government, to promulgate regulations on (pilot) organization of regional management in the field of tourism; to recognize the Coordination Board for regional cooperation in tourism development as an organization with legal status to effectively implement the coordination mechanism for regional development.

For localities participating in the affiliations, to allocate annual funds to promote, build tours, train labors. Application of information technology to enable connection and online information exchange between local working groups.

For Quang Binh province, to build quickly and position Quang Binh tourism brand; To accelerating the implementation of ongoing tourism investment projects.

For Quang Binh Tourism Association, to strengthen connections between tourism businesses in Quang Binh province; To develop annual and periodical programs and action plans for implementing regional connectivity and cooperation programs. To appeal businesses to share and distribute guests during the peak season.

LIST OF PUBLICATIONS OF RESEARCH RESULTS RELATED TO THE THESIS

1. Le Duc Trong and Nguyen Van Phat (2021), "Connectivity between tourism businesses and other stakeholders in Quang Binh province's tourism development: Network analysis" *Hue University Journal of Science: Economics and Development.*

2. Nguyen Van Phat, Le Duc Trong and Nguyen Manh Hung (2021) " Connectivity for tourism development in Phong Nha – Ke Bang National Park, Quang Binh Province" Journal of Managerial Sciences & Economics, Vol. 18

3. Nguyen Van Phat and Le Duc Trong (2018), Regional connectivity in tourism development in Quang Binh province, *Quang Binh Journal of Scientific and Technological Information,* Vol. 2/ 2018, pp. 73-80. ISSN 0866-7543**.**